

# HÀ NỘI BUỔI ĐẦU THỜI PHÁP THUỘC

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

(Tiếp Theo)

Rue de la Concession, nay là phố Phạm Ngũ Lão, con đường nằm theo trục bắc nam, chia nhượng địa làm hai phần. Phần phía bờ sông mọc lên những công thự đầu tiên, xây theo chỉ thị của Đô đốc Duperré, mang hình dáng các dinh tham biện ở Nam Kỳ, nhà gồm hai tầng, gác có hiên rộng. Đi từ bắc xuống nam ta gặp: dinh lãnh sự, nhà ở các sĩ quan, dinh tổng tư lệnh quân đội, trại lính. Các tòa nhà khác kém quan trọng hơn: nhà ở vừa là văn phòng của chương án, nhà của viên sĩ quan công binh, bệnh xá, nhà kho. Một mảnh đất có tường bao quanh, ở góc phía nam, nằm lẫn ra khỏi nhượng địa, dành làm nghĩa trang cho binh sĩ Pháp. Hải cốt của Garnier và đồng đội được mang từ trong thành về mai táng nơi đây. Tuy nhượng địa là một khu vực kiến trúc châu Âu nhưng chưa được hoàn toàn chỉnh trang, mặt đất còn lầy lội, tường bao quanh còn đầy lỗ châu mai để phòng quân Cờ Đen tấn công.

Bên ngoài nhượng địa, muốn vào thành phố phải qua cửa ô Trường Long (Pháp gọi là Porte de France), chỗ gần Nhà Hát Lớn hiện nay. Cửa bằng gạch, tuy đơn giản nhưng đồ sộ, có vẻ chắc chắn, khung cửa là hai trụ vuông, con nghê đứng trên đỉnh, tường dày tiếp nối hai bên, trên xây hành lang cho tuần phu đi lại. Bước qua cửa gặp đoạn đường rất dốc, luồn vào một phố hẹp, hai bên là nhà tranh vách đất lụp xụp, đây là phố Hàng Khâm.

## HÀ THÀNH THẮT THỦ LẦN THỨ HAI

Đến cuối năm 1881, vịn có nhà cầm quyền Việt Nam đón tiếp, dung túng quân Cờ Đen, Pháp theo dõi tình hình và chuẩn bị lực lượng, đến lúc thuận lợi phái Henri Rivière đến Hà Nội, sau đó gửi thêm viện quân từ Hải Phòng. Rivière đến Hà Nội vào năm 1882, định đóng quân trong Trường Thi, nhưng thấy nơi này kém an toàn và thiếu tiện nghi nên mang quân vào nhượng địa. Trại lính ở đây chật hẹp, công binh phải dựng thêm lều trại tạm.

Người dân Hà Thành lại một phen khổ sở, lầm than vì chiến tranh!

Đi vượt quá sức mạng của mình, Rivière cho tấn công thành Hà Nội. Sáng ngày 25-04-1882, đạn pháo từ các tàu chiến trên sông Hồng bắn vào Cửa Đông và Cửa Bắc. Quân của Rivière vượt qua Cửa Bắc tràn vào chiếm thành. Vì có sự phản bội của nhiều quan lại, quân ta không giữ được thành trước sức tấn công của quân Pháp, thành thất thủ chỉ sau vài giờ kháng cự, Tổng đốc Hoàng Diệu tự vẫn. Không như Garnier cho quân trú đóng trong thành rồi áp đặt ngay bộ máy hành chính Bảo hộ, Rivière chỉ để lại một đại đội binh Pháp đóng nơi điện Kính Thiên và trao quyền tổng đốc tạm thời cho Án sát Tôn Thất Bá, phó thác tổ chức hành chính cho một số viên chức người Việt. Toán quân còn lại quay trở về nhượng địa. Rivière cho tu bổ lại rào giậu quanh nhượng địa thêm chắc chắn, riêng phía bờ sông vẫn giữ nguyên vì có các pháo hạm canh phòng. Thực ra, ở rải rác bên ngoài nhượng địa vào thời ấy còn nhiều đầm lầy, rất khó đến gần để tấn công.

Lúc thành thất thủ, quân Cờ Đen đã có mặt tại Hà Nội, sau đó nhiều đoàn quân khác từ Vân Nam kéo xuống. Đời sống trong nhượng địa tạm yên cho đến đầu năm 1883. Sợ bị bao vây, Rivière thị uy bằng cách đưa quân đi đánh Nam Định (27-03-1883, trở về ngày 02-04-1883). Biết lực lượng Pháp suy giảm tại Hà Nội, quân Cờ Đen tấn công nhượng địa, nhưng quân đồn trú cầm cự được. Cùng lúc ấy Pháp biến điện Kính Thiên thành công sự phòng thủ, đặt đại bác để phòng các cuộc phản công. Hàng cột thưa của lan can xinh xắn bao quanh thêm điện bị xây bít làm tường, đầy những lỗ châu mai xấu xí.

Quân Cờ Đen lảng vảng chung quanh Hà Nội, đợi đến ban đêm xâm nhập khu dân cư để quấy nhiễu. Rivière thấy cần có một cuộc xuất quân thật mãnh liệt để giải vây, nhưng cũng chịu chung số phận như Garnier. Sáng sớm ngày 19-05-1883, khoảng 500 người rời tòa thành đi giải tỏa đường đến Sơn Tây đã bị quân Cờ Đen chiếm giữ. Quân Pháp vừa tiến qua khỏi Cầu Giấy, thành linh súng bắn ra dữ dội từ lũy tre dọc theo các ngôi làng bên. Lúc ấy là 8 giờ sáng, ở địa thế không tiện dàn quân đánh trả, Pháp đành rút lui. Thiệt hại của Pháp rất trầm trọng: năm sĩ quan và ba mươi lính bị giết, năm mươi người bị thương.

Quân Cờ Đen phản công, bao vây quân Pháp, vào tận khu phố thương mại đốt phá. Quân Pháp trong khu nhượng địa nơm nớp lo sợ, đồn cây cối, san bằng nhà dân xung quanh để nơi phòng tuyến ra xa 200 m. Toán quân đóng trong thành đã mất liên lạc với nhượng địa, lại thiếu thực phẩm, sống trong căng thẳng cực độ.

Đến cuối tháng 5 năm 1883, hằng trăm quân tiếp viện Pháp từ Hải Phòng, Hòn Gai, Quy Nhơn kéo đến. Lũy cọc được xây lên để bảo vệ phía bờ sông của khu nhượng địa. Những cọc chắn cũng được đóng xuống lòng sông ở phía thượng nguồn, để phòng ngừa các

pháo hạm Pháp bị đánh hòa công. Đến tháng 6, nhượng địa đã đầy lính tráng, chật chội, không thể xây cất gì thêm được. Phần phía tây, dọc đê mỗi khi trời mưa thì đầy bùn lầy, khu đất giữa các tòa nhà và lũy cọc biến thành ao nước. Trong khi ấy đa số nhà cửa dân chúng trong khu phố thương mại, trừ một vài khu vực và phố của Hoa kiều, đều cháy rụi, tiêu điều, khiến nhiều người phải bỏ đi lánh nạn.

Tháng 7, quân tiếp viện Pháp từ chính quốc sang, khoảng 4.000 người đóng rải rác dọc theo Trường Tiền, Trường Thi đến Thành nội. Nhượng địa trở nên chỗ tạm dừng chân cho các toán quân đổ bộ trước khi vào thành, vì từ nay thành là cứ điểm chính của quân đội Pháp.

Đến cuối năm 1883, vòng vây được giải tỏa. Kể từ lúc này Pháp mới thực sự bắt đầu xây trại quân trong thành bằng những dãy nhà tranh tạm bợ. Sang năm 1884, các sĩ quan Pháp cư ngụ trong các dinh số do quan lại triều đình bỏ trống. Pháp ký giao kèo với một nhà thầu Hoa kiều để xây nhà, vừa gỗ vừa gạch, cho một tiểu đoàn đóng trong Trường Thi và một tiểu đoàn khác đóng trong thành. Trại lính trong khu nhượng địa biến thành quân y viện với 80 giường.

Đang lúc nhiều nhượng ấy, tình hình tại triều đình càng thêm rối ren khi vua Tự Đức băng hà (17-07-1883). Quyền hành bất ổn vì trong hai năm có đến bốn vua lên ngôi. Thừa cơ hội đó Pháp pháo kích vào cửa Thuận An, ép buộc triều đình ký hai hàng ước. Hòa ước Quý Mùi (Harmand) thừa nhận chế độ Bảo hộ tại Bắc Kỳ (25-08-1883) và năm sau (06-06-1884), Hòa ước Giáp Thân (Patenôtre), công nhận cuộc Bảo hộ của Pháp ở cả Bắc và Trung Kỳ.

## **ĐỔI THAY CỦA HÀ NỘI NHỮNG NGÀY PHÁP MỚI CHIÈM**

Ngày khi vừa giải vây Hà Nội, quân Pháp bắt

đầu công cuộc xây dựng lớn lao dưới sự điều động của Công sứ Bonnal. Ông ta không có ngân khoản nào để thực hiện nên đã dùng tù nhân bị án nhẹ hoặc nhân công do các phố trường cung cấp. Ông ta còn bắt buộc các chủ nhân phải đào rãnh thoát nước trước nhà và cùng nhau xây vỉa hè. Ông ta cho trải đường bằng đá gạch lấy từ các căn nhà đã bị cháy, sụp đổ trong khu Nhà Chung và khu quanh hồ Gươm. Số vật liệu ấy đủ lót một trăm năm chục con phố và ngõ. Để nối rộng đường phố, những mái hiên, những quày hàng quay ra đường đều bị dẹp bỏ. Chỉ sau một năm, thành phố tái sinh từ những đổ nát.

Đến đầu năm 1885, dân chúng kéo nhau về, khu phố phường xây dựng lại và dần dần trở nên chật hẹp, mỗi ngày có thêm một, hai ngôi nhà mới. Người Pháp chỉ có thể lập khu phố mới trong vùng chung quanh hồ Gươm và dọc theo trục đường Tràng Thi-Tràng Tiền. Pháp dùng trục đường này làm mốc để vạch ra những phố khác nằm song song hay cắt thẳng góc như những ô trên bàn cờ, ví dụ những phố: Rollande (Hai Bà Trưng), Carreau (Lý Thường Kiệt), Gambetta (Trần Hưng Đạo), Đồng Khánh (Hàng Bài), Gia Long (Bà Triệu), Jauréguiberry (Quang Trung) v.v.

Năm 1888, thành phố trải rộng từ hồ Trúc Bạch đến Đồn Thủy, phía đông đến Văn Miếu và tòa thành. Năm 1890, ranh giới thành phố được đẩy xa hơn, trùng với bờ thành cũ đời Lê. Năm 1891, Pháp lập Hội đồng thành phố, chủ tịch là viên công sứ, cũng nắm cả chức vụ thị trưởng (Résident-Maire). Các năm sau đó nhiều cải tiến khác được thực hiện nhưng đáng kể hơn cả là việc xây chợ có mái che, trên các phố: Hàng Tre, Chợ Gạo, Hàng Da, Đồng Khánh. Năm 1900, Hà Nội chia làm 8 quận với khoảng 180 đường phố. Năm 1902, Hà Nội trở thành thủ đô Đông Dương. Công cuộc kiến thiết thành phố cứ

tăng mãi, tiến dần ra ngoại ô, nhưng mức sống ở đây vẫn còn thua kém trong nội thành.

Phố cũ thường hẹp, chỉ đủ cho người đi bộ hay người cưỡi ngựa, sau được mở rộng nên xe có thể qua được. Đầu năm 1884, Công sứ Bonnal đặt mua hai chiếc xe kéo của Nhật Bản, một chiếc dành cho Tổng đốc Hà Nội. Chiếc tramway đầu tiên bắt đầu chạy khoảng giữa năm 1885, đây là chiếc xe bánh sắt do ngựa kéo chạy trên đường ray, chuyên chở hành khách giữa tòa thành và khu nhượng địa (có lẽ chỉ dành cho người Pháp). Cho đến năm 1886, chỉ có hai chiếc xe ngựa. Một chiếc kiểu malabar hai bánh, có mui, của hội Truyền giáo, Giám mục Puginier thường dùng đi thăm các xứ đạo. Một chiếc kiểu victoria, bốn bánh, mui trần, của H. Rivière, chiếc xe ông ta dùng đi ra trận lần cuối vào năm 1883 trước khi bị giết ở gần Cầu Giấy.

Từ 1900 trở đi, khoảng 20 km đường tàu điện giúp cho sự giao thông nội thành càng thêm thuận tiện. Ga Hàng Cỏ và cầu Long Biên góp phần mở rộng giao thông đến các tỉnh, vừa giúp trao đổi mậu dịch với Vân Nam. Những năm đầu, cầu chỉ dành cho xe lửa và người đi bộ. Đến 1924, cầu được xây thêm hai bên chợ xe ô-tô đi lại, tránh được việc vượt sông bằng phà, phiến toái, lâu lác, có khi nguy hiểm hoặc bị gián đoạn vào mùa nước lũ.



*Dinh Toàn Quyền xây năm 1888*

## NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG KHU NHƯỢNG ĐỊA ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ 20

Trong suốt 8 năm mở lãnh sự quán trong nhượng địa (1875-1882), người Pháp định lập thương cảng cho tàu ngoại quốc đến buôn bán và tìm cách bành trướng khu vực về phía nam, trên các làng Lương Yên, Vĩnh Tuy. Nhưng họ bị thất bại vì chính quyền Việt Nam vẫn kiểm soát sự lưu thông và thuế quan trên sông Hồng, khiến họ chẳng tạo được vận động kinh doanh nào có sức thu hút các thương gia người Âu đến Hà Nội.



*Trường Y Khoa đầu tiên, (1902)*

Các công thự trong khu nhượng địa gồm có: Dinh Lãnh sự, dinh Công sứ, dinh Thống sứ, dinh Toàn quyền, bộ Tổng tư lệnh, trại lính, nha Giám đốc quân cảng... Có khi cùng một tòa nhà nhưng tên gọi thay đổi tùy thời kỳ, như dinh Lãnh sự được trùng tu, lần lượt trở thành dinh Thống sứ (1886), dinh Toàn quyền (1888), phòng Tư vấn bản xứ, trường Đại học Đông Dương, Bảo tàng của Viện Viễn Đông Bác Cổ (1908), cuối cùng vào 1926 bị phá bỏ để xây Bảo tàng Louis Finot. Trại lính cũ biến thành các văn phòng thuộc Bộ Tham mưu. Cư xá của sĩ quan biến thành dinh Tổng tư lệnh. Phần phía tây, phố Bobillot (Lê Thánh Tông) chạy men đường đê cũ tức là bờ tường thành Thăng Long, nơi xây Trường Y khoa (1902), tiền thân của Trường Y khoa và Dược khoa Đông Dương (1928). Đi về phía nam, qua

khởi tháp nước chúng ta đến nhà thương quân đội De Lanessan (nhà thương Đồn Thủy), khánh thành 1894.

Sau hai hòa ước 1883 và 1884, quyền lực quân đội giảm đi, nhường chỗ cho quyền lực dân sự. Cuối năm 1884, dưới thời Tướng Briere de l'Isle, hằng tuần trong dinh Tổng tư lệnh có những cuộc tiếp tân, trình diễn quân nhạc, khiêu vũ. Nhưng bước ra khỏi những tòa nhà khang trang ấy chỉ thấy chung quanh toàn đất lầy lội, đường mòn hẹp, lũy cọc và ụ súng thô kệch.

Thống sứ Paul Bert đến Hà Nội năm 1886, ra nghị định tái thiết khu nhượng địa, phá bỏ tất cả các công sự bao quanh, mở nhiều đường thông ra ngoài, biến nhượng địa thành một khu phố mới, hòa nhập với khu vực bên ngoài chứ không còn là một pháo đài riêng rẽ nữa.

Khoảng năm 1900, du khách đến đây không còn thấy vẻ nghiêm trang của một khu quân sự, mà là cảnh vui tươi xinh xắn của những công thự mọc lên giữa hoa viên, sau bờ giậu hay rào sắt thẳng tắp, với gió mát từ ngoài sông đưa vào. Phố Concession (Phạm Ngũ Lão), nằm suốt chiều dài của nhượng địa, được trải đá, làm vỉa hè rộng cho người đi bộ, chẳng bao lâu, hai hàng cây phượng vĩ che bóng mát, vào độ tháng 5 hoa nở đỏ thắm



*Tháp nước đồn Thủy, cạnh đài kỷ niệm nghĩa địa Pháp (Khoảng 1905)*

khu vực. Đến cuối đường, gần tháp nước, ta gặp một đài kỷ niệm bằng đá hoa cương, đánh dấu mảnh đất từng là nghĩa địa, đã dời về bên phố Huế. Bờ sông ở phía nam Đền Thủy có một nơi đáng chú ý là quân cảng, chỗ đậu các tàu chiến Pháp và ghe thuyền của triều đình. Bãi cát bồi ngay trước Nha Giám đốc quân cảng thường vắng vẻ, chỉ đông người vào những buổi sáng có các viên chức cao cấp đến hoặc đi.

### PHỐ HÀNG KHẼM

Phố Hàng Khẽ (rue des Incrusteurs) lúc xưa có sở Trường Tiền, là nơi đúc tiền kềm của triều đình, chiếm khoảng đất hình chữ nhật, cạnh tương ứng với các phố hiện nay: Tràng Tiền, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Phan Chu Trinh. Chung quanh là hào nước, chỉ có chiếc cầu thông ra phố Hàng Khẽ. Lúc Pháp đánh Bắc Kỳ năm 1873, sở Trường Tiền đã ngừng hoạt động, vì giá kim loại tăng cao.

Phố Hàng Khẽ là con đường được ưu tiên sửa sang vì nó giữ vai trò chiến lược, nối liền nhượng địa với tòa thành và là cửa ngõ mở vào khu phố phường. Hướng nam được bảo vệ an toàn nhờ có đầm lầy, rặng tre, tường, giậu của nhà dân và nhất là những công sự triều đình đã xây trước ngày Pháp đánh chiếm, nay được tu sửa lại thành lô-cốt bằng đá gạch trắng xi-măng. Sau đó các phố khác cũng lần lượt được chỉnh trang là Hàng Thêu (Hàng Trống), Đồng Khánh (Hàng Bài) cùng lúc với các phố trong khu phố phường.

Vào năm 1883, phố Hàng Khẽ còn nhiều chỗ bùn lầy nước đọng, chỉ rộng từ hai đến ba mét. Ở phía nam hồ Hoàn Kiếm, thợ khảm sống trong các ngôi nhà gạch thấp và hẹp, có mái ngói và sân trong, phía trước là mái hiên bằng tranh che lán ra phố, trong khi phía sau xây nhà sàn trên hồ. Chỉ một năm sau nơi đây biến thành đường phố rộng, tuy vậy vẫn chưa thấy nhà cửa kiểu châu Âu. Dọc

hai bên còn những túp lều tranh, vài ba cửa hàng của Hoa kiều, cứ khoảng độ mười mét có một quầy bán rượu cho lính Pháp.

Khách sạn tạm bợ đầu tiên, năm 1884, là những túp lều xếp thành hình chữ U, bao quanh cái sân quay ra ao nước, vách tre trét đất không kín, vách không đụng tới mái tranh, bên trên chừa trống khoảng nửa mét nên thông gió, mùa hè mát mẻ dễ chịu, mùa lạnh khách thăm thía cái rét miền Bắc. Cửa ra vào đầy khe hở vì ván không khớp sát nhau, cửa sổ chỉ có cánh gỗ sơ sài. Đến tháng 11-1885, Grand Hôtel mới là khách sạn thực sự, xây bằng gạch, kiến trúc kiểu châu Âu, mở cửa trên phố Hàng Thêu (Hàng Trống). Bên trong có phòng ăn đủ chứa 150 thực khách, một phòng bi-da (được xem là bi-da đầu tiên nhập cảng đến Hà Nội), phòng nào cũng được trang hoàng bằng kính, buổi tối đèn thấp sáng choang.

Phố Hàng Khẽ, đã mở rộng từ đầu năm 1885, mặt đường trải đá nhuyển, hầu hết hai bên có các nhà buôn lẻ của người Âu như: hàng nước, bánh mì, tạp hóa, giấy bút, thực phẩm khô, gia vị, đồ gia dụng... Ngoài ra còn có một khách sạn nhỏ, vài tiệm cà phê, phòng cắt tóc (1885), hiệu thuốc tây (1886). Quán cà-phê đầu tiên là Café de Beire, nữ chủ nhân trước làm quản lý căng-tin cho đoàn buôn của Jean Dupuis. Lân hồi có thêm Café de Paris, Café du Commerce, Café Albin, Café de la Place...

Cuối năm 1886, theo nghị định của Công sứ trong vòng một năm, các túp lều tranh trên phố Paul Bert (tên mới của phố Hàng Khẽ từ năm 1886, nay là phố Tràng Tiền) và các phố gần đây như Exposition (Tràng Thi), Hàng Thêu (Hàng Trống) phải dỡ bỏ và thay thế bằng nhà gạch, mái ngói.

Vào năm 1887, phố Paul Bert bắt đầu có vỉa hè viên gạch. Một vị quan ở Hà Nội tặng hai biển chỉ đường khảm xà cừ. Khoảng năm 1890, báo Avenir du Tonkin và báo Indépendance Tonkinoise đặt tòa soạn trên



phố Paul Bert (giữa Hàng Bài và Ngô Quyền ngày nay), vào thời ấy cả hai được xem là báo xuất sắc nhất trong khắp các thuộc địa Pháp, kể cả Sài Gòn.

Ta có thể kể vài hãng buôn hay cửa hàng trên phố Paul Bert trước năm 1900: Hãng Fontaine, thành lập năm 1887, chuyên bán đồ gia dụng, đồ nghề bằng kim loại sản xuất tại Pháp. Hãng Debeaux Frères, bán nhiều loại hàng hóa như: Thức ăn đóng hộp, bóng đèn, nước khoáng, rượu vang, thuốc hút, giày dép, áo quần, súng săn, bát đĩa,... Hiệu thuốc tây Blanc, hiệu thuốc đầu tiên tại Hà Nội, thành lập năm 1886, đến năm 1895 được mở rộng, nằm ở góc hai phố Paul Bert và Henri Rivière (Ngô Quyền). Ngoài dược phẩm còn bán cả nước hoa, xà phòng, hóa chất dùng trong các ngành nhiếp ảnh, nghệ thuật, công nghiệp, dụng cụ và máy móc dùng trong các phòng thí nghiệm.

Nhà Hát Lớn ở phía đông, xây từ năm 1901 đến 1911, bên trên một ao nước. Để sửa soạn xây nền, người ta đóng ba mươi lăm ngàn chiếc cọc rồi đổ lên một lớp bê tông dày gần một mét.



*Chợ hoa bên Hồ Gươm, ở góc Paul Bert-Francis Garnier (Hàng Khay - Đinh Tiên Hoàng, khoảng 1930.)*

Khoảng đầu thế kỷ 20, đi trên phố Paul Bert (Tràng Tiền-Hàng Khay) đến Borgnis Desbordes (Tràng Thi) chúng ta lần lượt gặp

vài kiến trúc đáng kể :

- Cửa hàng bách hóa U.C.I.A, ba mặt quay ra các phố lớn : Paul bert, Đồng Khánh (Hàng Bài), Rollandes (Hai Bà Trưng). Nơi đây bán từ kim chỉ đến bánh kẹo, nước hoa, yên cương ngựa, nữ trang đắt tiền... Chúng ta có thể đặt may áo quần hoặc đóng đôi giày tùy theo kích thước mình muốn, hoặc thuê người thiết kế phòng tắm, bắt điện trong nhà.

- Bốt cảnh sát Hàng Trống đối diện với trường nữ tiểu học ở góc Hồ Gươm.



*Phố Camp des Lettrés (Tràng Thi). Trong khuôn viên Trường Thi xưa, Tòa Kinh Lược trở thành Phòng Thương Mại và Canh Nông. Bên kia Phố Jauréguiberry (Quang Trung) hai tòa nhà là trường Trung học của Hội Truyền giáo (khoảng 1905).*

- Trường Thi, nơi đây trong thời gian Pháp đánh Hà Nội, hai kỳ thi 1882 và 1885 bị xóa bỏ. Thống sứ Paul Bert chỉ cho mở lại các kỳ thi tại Nam Định mà thôi. Năm 1886, Trường Thi vẫn còn bỏ trống, phía đông (góc Tràng Tiền-Quang Trung ngày nay) được chọn làm nơi xây tòa Kinh lược, trú sở của Kinh lược sứ Nguyễn Hữu Độ, đại diện triều đình Huế liên lạc với chính quyền Pháp. Ông Nguyễn Hữu Độ đích thân chỉ huy việc thiết kế theo bình đồ của ông. Tòa nhà khá giản dị, mái cong theo kiến trúc Việt Nam. Sân trong trang trí bằng bể nước, non bộ, nhiều chậu hoa cảnh. Vách ngoài tô nhiều màu. Văn phòng nơi ông làm việc, treo các trường lụa

thêu, các câu đối, tranh sơn mài, ghế bàn chạm trổ sơn son thếp vàng. Tòa nhà vừa xây xong, ông cho Pháp mượn trưng bày trong cuộc đấu xảo đầu tiên tổ chức tại chính Trường Thi vào tháng 3 năm 1887. Trong cuộc đấu xảo ấy, dân chúng Hà Nội lần đầu thấy tận mắt chiếc đầu máy xe lửa Decauville chạy trên mấy trăm mét đường sắt. Tòa Kinh lược này tồn tại mười năm, thay thế bằng tòa Kinh lược thứ hai, xây năm 1896, chỉ hơi chệch về phía sau. Nhưng một năm sau đó chức Kinh lược sứ bị bãi bỏ. Tòa Kinh lược sau cùng chuyển thành Phòng Thương mại và Canh nông vào năm 1897.

- Trại Hiến binh xây năm 1893, trên phần đất phía tây của Trường Thi. Công vào là một tam quan giống như cổng đền, dấu vết của cuộc đấu xảo nói trên.

- Nhà thương bán xứ xây năm 1904, là bệnh viện thực hành của trường Y khoa, sang năm 1906, đổi là nhà thương Bảo hộ (Nhà thương Phủ Doãn). Đối diện là Dòng tu kín Carmel và nhà nguyện. Đến năm 1920, nhà tu này dời về phố Hàng Dẫy, gần bệnh viện Saint Paul hiện nay, nhường chỗ cho Nhà hộ sinh.

- Cuối phố Tràng Thi chúng ta đến vườn hoa Cửa Nam. Từ đời Lê đến đời Nguyễn có Quảng Văn đình, nơi thông báo luật lệ, giảng về điều đạo đức, dạy dân sống lương thiện. Giữa vườn, cho đến 1945, ta thấy pho tượng Nữ thần Tự do, người Hà Nội quen gọi là «Bà Đầm Xòe», được mang về đây sau khi ra mắt công chúng trong cuộc đấu xảo nơi Trường Thi và sau một thời gian đứng trên đỉnh Tháp Rùa giữa Hồ Gươm.

(Còn tiếp)

Tài liệu tham khảo :

Phố phường Hà Nội xưa – Hoàng Đạo Thúy (2000)  
Indo-Chine avec les Français – Jules Boissière (1892)

Le Tonkin en 1900 – Robert Dubois (1900)

Hanoi et ses environs – Guide Madrolle (1912)  
Hanoi pendant la période héroïque – André Masson (1929)

**MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH**

(Paris)

## HẠ BUỒN

*Hạ có buồn khi phượng nở bông !  
Mùa xưa còn dịu mát hương nồng  
Chia ly là lẽ đời riêng biệt  
Màu nhớ xa mờ một bến sông.*

*Bến sông còn đó, thuyền trôi dạt  
Tháp thoáng ai kia mãi ngóng trông  
Một nắng hai sương, mẹ già khuất  
Bơ vơ còn lại những chiều không...*

*Chiều không, thương tiếc người xa vắng  
Hè đỏ phai pha cánh phượng hồng  
Người ở bên này thương nhớ Hạ  
Đêm về phố Hội vẫn chờ mong.*

*Chờ mong mấy thuở tương phùng nhi !  
Gặp gỡ, chia ly, thoáng chạnh lòng  
Dòng thác thời gian trôi chậm lại  
Bên bờ hiu quạnh, mộng tàn đông.*

**ĐĂNG NGUYỄN**

*Maryland, Hè 2011*

# LIÊN ƠI

## TRẦN THỊ HƯƠNG CAU

Xe lửa từ từ chuyển bánh sau khi nhận được hiệu lệnh của người xếp ga huyết lên một còi tàu dài lãnh lớt. Các cửa lên xuống tàu đồng thời đóng sập lại, đẩy tất cả các tiếng động náo nhiệt trên sân ga lùi về phía sau. Liên ngồi yên bất động, cố thu mình nhỏ lại trong chiếc áo măng tô to sụ. Bên ngoài bầu trời mùa đông âm đạm đang từ từ hừng sáng. Liên tiếp những cánh đồng khô lạnh trống trải, các rừng cây trụi trụi như còn ngái ngủ đều đều lướt nhanh qua khung cửa. Liên chợt rầu rĩ nhận ra đời mình cũng đâu có khác gì, cũng tẻ nhạt, cũng xám xịt như khung cảnh bên ngoài, thế thôi!

Liên mừng tượng ra, giờ này chắc cả nhà đã dậy hết và ai cũng vô cùng thắc mắc, nguyên nhân nào đã thúc đẩy Liên bỏ đi mà chỉ viết có mấy chữ vồn vện „*Tôi phải đi, sự có mặt của tôi trong căn nhà này là không cần thiết nữa!*“

Mẹ chồng Liên thích nhất là ăn tàu hủ nóng bỏ thật nhiều gừng mà sáng nào chị cũng chuẩn bị chu đáo cho bà, chắc sáng nay còn đang rền rĩ *Liên ơi, Liên ơi*. Anh Trang, chồng Liên giờ này thì đang bực bội tột độ vì phải tự ủi áo quần, một công việc mà chị đã làm cẩn thận, treo phẳng phiu trên móc để anh thay đổi hằng ngày tới sở từ cả mười mấy năm nay. Thăng Đạt con riêng của chồng thì tha hồ có cơ nằm lý vì không còn ai mỗi sáng hối thúc nó dậy đi học. Còn con bé Châu bé bỏng, cục vàng rờng của chị chắc đang nhăn nhó, thậm chí có khi còn đang nguyên rửa vì

mẹ đã không mang khay trà và bánh mì vào tận giường cho nó điểm tâm như mọi ngày. Tất cả đã bị đảo lộn vì sự vắng mặt của Liên.

Liên thần thờ nhớ lại, gần bốn mươi tuổi chị mới vui được chữ vu quy như bao cô gái khác. Ấy là nhờ mấy bác trong chùa thấy chị vừa hiền lành vừa đạo hạnh, lại chưa có đôi có bạn nên mới hiệp lại nói vô, để anh chị rõ rá cạp lại, chứ tình cờ mà gặp nhau ngoài đường, thì thậm chí loại bị vợ bỏ như anh Trang, Liên cũng không đủ hấp dẫn để anh phải bận tâm dòm dõi. Thực ra Liên không xấu xí, khuyết tật nhưng chị thật thà, chân chất quá, không chịu làm tốt làm tệ gì cả. Sơn phấn, áo quần kiểu cộ mấy nhỏ em mang về cho, Liên cứ chất đống trong tủ, nên nhìn chung trông chị quá ư là tẻ nhạt. Rồi vào các dịp lễ lược, ai đi cứ đi, Liên cứ tình nguyện giữ nhà hoặc trông cháu cho các em đi tung tây đến những nơi hội hè đây những trai thanh gái lịch nên quay qua quay lại, định cư xứ người chưa được năm năm mà cả đàn em sáu đứa bên dưới chị, đứa nào cũng chọn rộn có người đến rước đi hết. Chỉ còn Liên, hết đi làm tiệm may về là lúc thúc trong nhà hoặc theo mẹ lên chùa thì làm sao có dịp mà gặp được ý trung nhân.

Tháng giêng Liên lên xe hoa về nhà chồng mà tháng chạp năm trước cả nhà còn ngồi bàn chắc Liên cao số, có lẽ phải phòng không chiếc bóng suốt đời vì con gái chỉ có thì, mà thì của Liên đã qua mất từ lâu lắm rồi. Vậy mà tự dung sang năm mới, có một người đàn ông từ thành phố bên cạnh dọn đến và đều đặn đưa mẹ anh đến chùa. Các bác thấy anh Trang lúc nào cũng đi có một mình nên gặng hỏi thì mẹ anh cũng chẳng dấu diếm chuyện nhà, chua chát kể lại là anh đã bị vợ



bỏ từ hơn ba năm nay. Mấy năm trước, cô vợ trẻ đẹp của anh sang Mỹ thăm gia đình và tình cờ gặp người yêu cũ bên ấy nên quay về nằng nặc đòi li dị, bỏ lại đứa con chung của hai người để sang với tình nhân, khiến anh, một người đàn ông vừa có địa vị vừa đẹp trai đâm ra thù hận tất cả đàn bà con gái trên hành tinh này. Nay con anh đã đến tuổi đi học mà anh lại bận bịu công việc nên mới dời về ở chung với mẹ để có người trông cháu. Mẹ anh Trang năm đó cũng đã gần 70, đầu được mạnh mẽ như xưa nên mới bàn với mấy bác cao niên trong chùa xem đâu có người hiền thực để nâng khăn sửa túi, chăm chút cho hoàn cảnh neo đơn nhà anh. Gà trống nuôi con vò vớ mấy năm liền cũng thấy cô quạnh, lại thêm nỗi hận tình cũng từ từ phai nhạt nên nghe mẹ bàn tính thiệt hơn thì anh Trang hoàn toàn đồng ý, tùy mẹ định liệu. Con gái trẻ còn xuân sắc thì anh nhìn ai cũng thấy hao hao giống vợ cũ của mình nên quá ngán ngấm, đến khi gặp chị Liên, tuy không bóng sắc nhưng dịu dàng, có thể tin cậy được nên anh xúc tiến chuyện cưới xin chóng vánh. Gà được Liên cho anh Trang, cả nhà chị Liên vui mừng hớn hở như bắt được vàng, mấy con em chị còn phân bì: Bà Liên nhà mình chậm mà chắc, 38 tuổi rồi mà còn được tổ đãi, lấy chồng vừa có chức phận, vừa đẹp trai, còn chồng bọn em toàn thợ thuyền, vai u thịt bắp! Năm đó, Liên nhận toàn được tin vui, đầu năm lên xe hoa, cuối năm sinh ngay con đầu lòng.

Con bé Châu năm nay mới mười ba mà đã đứng cao hơn mẹ cả cái đầu. Con bé thật là bản sao y chang 100% của anh Trang ; Không những giống cha từ khuôn mặt đến bộ đi, mà nó còn thông minh sáng suốt như hệt bố, nhậy băng liền tiếp hai lớp khiến bạn bè thầy cô, họ hàng nội ngoại phục lẫn. Ai gặp Liên ngoài

đường đều khen số chị vượng phu ích tử, chồng thì danh giá còn con thì xuất chúng. Liên lúc nào cũng phải thanh minh, đó là nhờ công lao của anh Trang giáo dục chứ chị mới học xong lớp tám rồi bỏ ngang đi học nghề may, lấy đâu đủ chữ nghĩa mà dạy con bé được. Thậm chí con bé còn cười chế nhạo mỗi khi nghe mẹ nói tiếng Đức khiến chị mắc cỡ không dám nói trước mặt con nữa. Con bé Châu đi đâu cũng đều được nghe lời khen ngợi, được cha tung tiu như từng chút nên đâm ra kiêu ngạo, ngay cả đối với mẹ cũng khinh nhờn. Chị phần thương con, phần nể con nên không bao giờ dám trách mắng hay sai bảo con bé việc gì. Bất cứ có vấn đề gì, học hành giải trí hay bạn bè thầy cô, con bé chỉ bàn bạc với bố. Nó nhớ nhó không muốn chị lui tới trường, họp phụ huynh hay lễ lượt nhà trường có giấy mời thì bố đi đủ rồi, nó không nói ra nhưng chị biết nó xấu hổ vì có người mẹ quê mùa, u tẻ như chị. Còn ở nhà thì nói gì con bé cũng gân cổ ra cãi.

Có lần thấy nó vừa học vừa nghe nhạc ầm ì, chị đã ngăn: *Con nghe nhạc ồn thế thì làm sao mà tập trung học cho được.* Nó biu môi: *Không có gì chi phối con được. Con không phải là mẹ, con có thể làm nhiều việc cùng lúc. Mẹ có biết cái con có mà mẹ không có là cái gì không? Bộ nào trong đầu đấy!* Biết con bé nói trúng nhưng chị vẫn nghe đau nhói trong lòng. Con bé Châu xinh đẹp, sáng láng bằng ngàn lần hồi chị bằng tuổi nó. Trong cái đầu bé nhỏ xinh xinh kia chắc chứa bao nhiêu là kiến thức bao la bên ngoài. Sách trong nhà mấy tủ của nó, sách của bố, sách mượn thư viện về bao nhiêu cũng không đủ thỏa mãn cơn khát tìm tòi học hỏi của con bé. Nó tâm niệm, bao giờ đủ mười tám tuổi, con bé sẽ đăng ký tham gia chương trình "Ai sẽ thành triệu phú", một

chương trình thi đó các kiến thức tổng quát mà nó rất say mê và trả lời vanh vách hầu như gần được hết các câu hỏi. Liên biết mình không bằng cái móng chân của con gái nhưng là người mẹ Việt Nam, trong thâm tâm chị vẫn trông đợi sự biết ơn công lao sinh thành, dưỡng dục mà cha mẹ nào cũng đã hy sinh vô bờ bến, vô điều kiện vì con cái, không một phút giây nao núng.

Chị làm sao quên được lúc sinh con Châu bị thiếu tháng. Khi được phép mang về nhà, con bé đã ngủ li bì cả ngày, không chịu bú mớm gì cả. Đêm nào chị cũng mày mò thức con bé dậy để cho con bú mà nó cứ ngủ gục với núm vú trong miệng. Chị vừa lo vừa khóc, lay con bé mãi không thôi vì sợ nó không chịu ăn uống gì sẽ quy mất. Nuôi con Châu phải chăm chút trăm đường cực khổ vì nó ốm yếu, ẻo oặt, hờ ra một tý là bệnh liền. Hết ho lại sốt, lại nhiễm trùng, sung phổi liên miên. Bao nhiêu đêm chị đã thức trắng bên giường bệnh của con, cầu xin trời phật hãy để chị bệnh thể cho cho đứa con non nớt của mình nhưng bệnh tình nào có buông tha. Đã thế, cha con anh Trang nào có chia xẻ với chị. Hồi con Châu còn chập chững, anh Trang chỉ âu yếm nó lấy lệ vì anh mãi tập trung lo cho thằng Đạt. Anh nghĩ, thằng bé thiếu mẹ nên anh phải bù đắp cho nó nhiều hơn. Đi làm về là anh chỉ quán quít bên thằng Đạt, chơi với nó, làm ngựa cho nó cưỡi, mua cho thằng Đạt không thiếu một thứ đồ chơi nào.

Nói đến thằng Đạt bây giờ chị vẫn còn rùng mình. Thằng bé thật là quá quắt, nó đâm đá, giật từng nắm tóc của chị, có lần còn quăng cả chiếc xe hơi bằng sắt to như cái đĩa vào đầu chị nay vẫn còn vết sẹo khi nó nổi giận, làm sao mà chị quên cho được. Một lần khác, vì lo đỡ cho con bé Châu ngủ nên chị đến trường

đón thằng bé trễ có mười lăm phút, vậy mà nó đã cào cấu chị suốt cả quãng đường, về đến nhà thằng bé leo ngay lên giường chị, tụt quần xuống đái ướt lênh láng tất cả chăn mền. Lần đó giận quá không ghim được, đó cũng chính là lần đầu tiên cũng như lần cuối cùng chị đánh thằng bé, chị đã phát vào mông nó mấy cái. Thằng Đạt khóc tức tưởi chạy ngay ra phen cho bố. Anh Trang vội vã về thấy mông con còn hằn những vết tay của vợ, không cần nghe đầu đuôi tự sự, đã tát Liên túi bụi đến té nhào, mắng mỏ chị là đồ di ghê độc ác, thẳng tay đuổi chị ra khỏi nhà.

Nếu không vì con bé Châu chắc ngày ấy chị đã không trở lại căn nhà ấy. Liên chịu đựng ần ần nuốt tất cả oan trái vào lòng. Nói ra chưa chắc được xẻ chia mà nhiều khi lại trở thành đề tài cho người ngoài đàm tiếu. Chị thành như một người máy, chỉ biết thừa hành những công việc mà cha con anh Trang quyết định. Đều đặn, dù ngày thường hay ngày lễ, dù trong mình có mạnh hay yếu, chị cũng là người dậy sớm nhất nhà để lo lắng điểm tâm, bới xách cho mỗi người tới sở, tới trường, rồi chợ búa, giặt giũ chùi dọ không hờ tay. Mẹ anh sau trận cúm vừa rồi gần như nằm liệt nên công việc đổ lên đầu Liên còn nhiều hơn. Anh Trang định đưa bà vào viện dưỡng lão nhưng bà khăng khăng không chịu vì thích nằm nhà có con dâu chịu chuông cù từng chút một. Săn sóc mẹ chồng rồi Liên chợt nhớ mẹ mình. Hồi mẹ còn sống, có bao giờ Liên có cơ hội để hầu hạ mẹ tận tình như thế. Vậy mà anh Trang nào có biết nghĩ để biết ơn vợ, ngọt ngào với vợ hơn một chút, một chút thôi như những khi anh ra ngoài mềm mỏng, nhẹ nhàng với một cô tiếp viên, một cô cắt tóc hay thậm chí một cô bán hàng chắc đời Liên sẽ妒 mát hơn biết là bao. Liên

biết mình là người vừa ít chữ vừa thiếu sắc nên đầu óc không nhõ, đòi hỏi yêu sách này nọ như những người vợ khác, thậm chí từ cả mấy năm nay anh Trang còn không sống đôi với chị ngoài đường nữa là, còn cứ về tới nhà là anh lại theo thói quen gia trưởng, bần gắt với chị từ những chuyện nhỏ nhất, ngay cả khi có mặt của khách khứa.

Liên để ý, sau lần về thăm quê hương vừa rồi, lúc trở qua, anh Trang càng lạnh lùng với chị hơn. Anh lấy cớ làm việc khuya nên dọn giường ra ngủ riêng bên phòng máy tính cho tiện. Mấy con em chị hay kể chuyện các ông bên này độ này đâm hư, trước là hãnh tiến, xanh xang áo gấm về làng sau là ăn chơi bỏ bịch lãng nhãng nói không hết. Anh Trang có sa đọa như thế không thì chị Liên không biết. Mà thực ra chị cũng không muốn nghĩ ngợi sâu xa, chuyện gì anh đã muốn làm thì chị có ngăn cũng không được.

Vậy mà nó lại đến thật tình cờ. Đêm hôm qua anh Trang khoe bạn bè trong sở vì được lên chức. Lúc về say mèm, chị phải dìu anh vào giường. Lục ví anh để lấy tiền trả taxi thì chị tìm thấy tấm hình chụp anh đang ôm eo một cô gái trước bãi biển. Cô ta còn rất trẻ, chỉ độ 18, 20 là cùng. Cô đẹp lộng lẫy, toàn mỹ đến độ không tìm ra được một khiếm khuyết trên gương mặt, còn thân hình thì căng tràn sức sống nồng nàn đến biến xanh cát trắng thơ mộng sau lưng cô cũng trở nên mờ nhạt.

Liên trầm ngâm xem hình cả tiếng đồng hồ mà vẫn không gọn lên một cảm giác sôi sục hay tức tối của một người vợ khi bị phụ tình. Chị chỉ cảm thấy cô đơn, trống vắng một cách hoang hoải, lạnh lạnh. Người ta chỉ giận dữ khi bị tước đi quyền sở hữu, còn Liên, chị như một thứ nô lệ mông muội, còn chưa làm chủ được chính bản thân mình thì nào dám

quay lại giận hờn ai.

Trước đây, chị vẫn thường nghĩ đơn giản, mình là vợ, là mẹ, mình hy sinh một chút để chồng con được hạnh phúc thì cũng đâu có mất đi đâu nên mọi người trong nhà tha hồ dầy xéo lên cuộc đời chị. Bây giờ đã có người tình nguyện thế chỗ cho chị rồi, tại sao chị lại không có quyền rũ áo ra đi ? Đáng lẽ chị phải đi từ lâu rồi nhưng chị vẫn hy vọng sau này, khi tuổi già bóng xế, anh Trang sẽ nghĩ lại tình nghĩa vợ chồng bấy lâu, sẽ đóaai hoài thương yêu đến chị. Nhưng bây giờ thì anh ấy không cần đến chị nữa, mọi hy sinh của chị sẽ trở nên vô nghĩa, nếu không muốn nói là ngu dại.

Liên thấy như mình vừa trả xong được nợ, đã bơi được qua dòng chảy nghiệt ngã của số mệnh, bỏ lại bao tháng ngày bão táp, nhọc nhằn sau lưng để bước chân lên những bển bờ bình yên, thư thái. Mẹ anh không có tàu hủ nóng để ăn vào mỗi sáng thì viện dưỡng lão cũng có cháo kiều mạch cho bà. Mười mấy năm trước, anh cũng đã tự ủi áo cho mình đầy thôi. Còn thằng Đạt, thức nó dậy đi học mà nó vẫn trốn học la cà ngoài đường thì cứ để nó ngủ còn hơn. Nỗi ray rức khiến chị dùng dằng cả đêm là chỉ vì con bé Châu bé bỏng, cục vàng ròng của chị, ai sẽ hầu hạ nó kể từ nay? Nhưng cuối cùng chị cũng tìm được đáp số cho bài toán của mình, con Châu cao hơn chị cả cái đầu nghĩa là chân nó dài hơn chị cả gang tay thì chỉ cần vài sợi chân là nó có thể ngồi vào bàn ăn sáng như mọi trẻ em khác. Còn chuyện nó có hụt hẫng tinh thần vì thiếu thốn hình bóng của người mẹ, một bóng mát che chở đời đời mà đứa con nào cũng có quyền hưởng thụ hay không thì câu trả lời chưa xót đến ngay với Liên rằng, con bé hầu như đã chối từ vai trò của mẹ, nó đã đối xử với chị không khác gì anh Trang đối xử với

vợ : lạnh nhạt và coi thường.

Thằng Đạt càng lớn càng hư hỏng, vừa lười biếng lại vừa ham mê hút xách khiến anh Trang bao phen giận dữ, hét mắng chửi đòi từ mặt, rồi lại đòi tổng vào trại cai nghiện mấy lần. Niềm thương yêu, tự hào của anh bây giờ đều tập trung vào con Châu. Anh yêu thương tôn thờ nó như đền đài, thần thánh của mình, thậm chí còn hơn cả bản thân anh. Vậy thì tương lai con bé đã một tấm khiên che chắn vững chãi là cha nó, nó sẽ không bao giờ bị một thiệt thòi nào khi có người đàn bà nào khác đến thay thế chị, còn những công việc phục dịch khác mà nó cần ở mẹ thì lương anh Trang đủ dư để thuê người giúp việc, không thua kém gì Liên.

Mẹ muôn đời vẫn là mẹ nên bất cứ khi nào con Châu trưởng thành hơn, có những suy nghĩ chính chắn hơn về mẹ, con bé cứ

đến và chắc chắn chị sẽ luôn luôn mở rộng vòng tay, sẵn sàng tha thứ tất cả để rung rung hạnh phúc ôm con vào lòng. Liên ơi, vậy thì đừng dằn vặt nữa, phải dứt khoát đi thôi, đi đâu cũng được nhưng trước tiên là phải rời khỏi căn nhà này càng sớm càng tốt, trời sắp sáng rồi...

Bây giờ thì trời đã sáng hẳn. Xe lửa vẫn chạy êm ả trên đường ray với tiếng xình xịch đều đều như ru ngủ. Mắt Liên trĩu nặng, đầu chị lơ mơ tự hỏi mình đâu có thói quen ngủ ngày bao giờ vì việc nhà làm chẳng lúc nào hở tay cho được. Nhưng kể từ bây giờ thì không cần làm gì nữa, còn rất nhiều tháng ngày thong dong nhẹ nhõm phía trước, ngủ đi Liên, ngủ đi...

Trần Thị Hương Cau  
(Germany)



# PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

591 University Blvd. East  
Silver Spring, Md 20901

Nay đã được trang bị máy móc tối tân  
để điều trị các chấn thương do  
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943  
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



## VÀO HẠ

(xương)

Mùa mới vừa sang rộn tiếng ve  
Em ơi, quên khăn giọng kêu hè  
Làng xưa nắng trắng còn vương vấn  
Xóm cũ phượng hồng đã tái tê  
Từng giọt thời gian theo nước chảy  
Bao năm kinh sử đợi tin về  
Chất chiu hoài bão người Kinh Bắc  
Ánh lửa chan hòa sưởi ấm quê

## CAO MỸ NHÂN

Hawthorne 24/4/2011

## HẠ BUỒN

(họa)

Nắng vàng hiu hắt để sầu ve  
Vừa mới sang xuân lại đến hè  
Mối hận non sông nào đã dứt  
Vết hằn năm tháng vẫn còn tê  
Từng trang lưu bút khơi niềm nhớ  
Một cội ly hương khuất nẻo về  
Đỏ mắt tìm đầu hoa phượng vĩ  
Ép vào trong vở giữ tình quê

## NGUYỄN KINH BẮC

Philadelphia mùa hạ 2011

## NẮNG HẠ

(xương)

Vô cùng nắng hạ trái non sông  
Khiến khách đường xa đỏ má hồng  
Ngắm mãi giọt châu rơi lấp lánh  
Kết thành lời ngọc vãi mênh mông  
Gót son thanh thảo dừng ven biển  
Lửa lựu miên man thả cuối đồng  
Cứ tưởng mây tô vàng ánh thép  
Hóa kim ô sáng rực trời đông

## CAO MỸ NHÂN

Hawthorne 24/4/2011

## LỬA HẠ

(họa)

Hạ về cách núi với xa sông  
Thương mảnh quê xưa rực lửa hồng  
Xương trắng bao đời xây Đại Việt  
Máu dầm mây trận đuổi Nguyên Mông  
Cuộc đau bến lạ đàn thương nữ  
Ve xót ngày thơ sáo mục đồng  
Bóng ngả chiều rơi vàng cuối bãi  
Riêng mình vẫn ước một vùng đông

## NGUYỄN VÔ CÙNG

Suối Bạc, Hè 2011

# QUÊ HƯƠNG TÔI

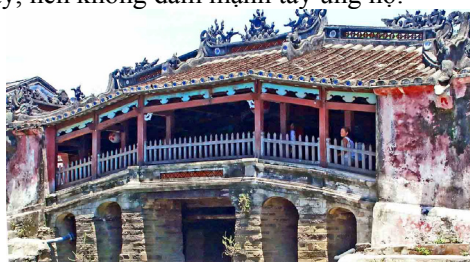
## Duy An Đông

Tôi là người Việt Nam, quê hương tôi là đất nước Việt Nam. Người Việt Nam tự hào đất nước mình có hơn bốn ngàn năm văn hiến, có rừng vàng biển bạc, có bà mẹ Âu Cơ, có con cháu trải khắp nước từ Tây Nguyên giáp Lào, Campuchia chạy xuống đồng bằng ra biển Đông đến Hoàng Sa và Trường Sa. Phía bắc từ Ai Nam Quan thông vào Nam đến mũi Cà Mau.

Đất nước tôi thời đại nào cũng có những anh hùng dựng nước và giữ nước: Vua Hùng dựng nước, Nhị Trưng đánh đuổi Tô Định xưng Vương, đức Trần Hưng Đạo đánh bại quân Nguyên, Lê Lợi đánh gục quân Minh, Quang Trung đại thắng quân Thanh; Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển đánh quân Pháp ở Gia Định, Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, đánh Pháp ở Bắc Kỳ. Trần Văn Dư, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Thành, Trần Quý Cáp đánh Pháp ở Trung Kỳ. Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Tường Tam, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thái Học và còn nhiều chí sĩ nữa... đã có công đánh đuổi quân phương Bắc và ngoại xâm với nhiều hình thức khác nhau, mục đích giành độc lập cho Tổ Quốc Việt Nam.

Thời nhà Nguyễn có công mở mang và xây dựng đất nước, nhưng cũng có lúc không khéo hành xử trong việc ngoại giao, Triều Đình bê quan toả cảng, cấm đạo, giết giáo sĩ đã làm cho Pháp và I Pha Nho có lý do tấn công Đà Nẵng, Nam Kỳ, Bắc Kỳ rồi từng bước mất nước. Qua Hoà ước Quý mùi 1883 rồi hoà ước Giáp Thân 1884 Triều đình Huế

chỉ còn giữ cái hư vị mà thôi, khi Triều đình thối đốn đảng cay thì sự đã rồi. Có lúc Đại thần Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Hiệp được thông sứ nước ngoài, các ông ấy nhìn thấy các nước họ duy tân, đất nước họ thịnh vượng, hai ông này mang ý kiến tấu trình nhà Vua, nhưng nhà Vua bảo thủ, thiếu quyết đoán, mang vấn đề ra hỏi triều thần. Các quan trong Triều Đình phần đông muốn làm vừa lòng nhà Vua để bổng lộc mình được an toàn, một số có lương tâm vì quốc gia dân tộc, nhưng cũng còn vương phần cá nhân, ngại cạnh tân cái ghế của mình có thể sẽ bị lung lay, nên không dám mạnh tay ủng hộ.



Triều nhà Nguyễn đặc biệt có Vua Hàm Nghi và Duy Tân đáng đề cập; là Thiên Tử quyền uy tột đỉnh, nhưng thực tế thì không và nhà Vua không vì mình, các Ngài nhìn dân tình khổ cực, đất nước điêu linh bị chia năm xẻ bảy, sáu tỉnh Nam Kỳ là thuộc địa Pháp có viên Thống Đốc Pháp trông coi, Trung - Bắc Kỳ chấp nhận Pháp bảo hộ. Triều Đình Việt Nam ta còn, nhưng thực quyền thì không còn bởi Trung Kỳ có viên Khâm Sứ, Bắc Kỳ có viên Thống Sứ, Toàn Quốc có viên Tổng Đốc toàn quyền Pháp bảo hộ điều khiển. Năm 1888 bắt đầu đi Triều Đình ta phải ký nhượng địa cho Pháp Thành phố Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng; từ đây chính trị, kinh tế, xã hội bà thành phố này không thuộc về nước Nam ta nữa. Chính những sự chèn ép và bắt công trên, đêm 5 rạng ngày 6-5-1885 Vua Hàm Nghi cùng đại thần Tôn Thất Thuyết và Trần Văn Dư lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, tấn công



Toà Khâm sứ và đồn Mang Cá của Pháp ở Huế. Còn Vua Duy Tân cùng chí sĩ Trần Cao Vân, Thái Phiên ... thực hiện mưu đồ việc lớn chống Pháp vào đêm 3 rạng ngày 4-5-1916 nhưng bị thất bại; đó là hai vị Vua anh hùng cách mạng được người đời luôn ghi nhớ và kính phục.

Cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Vua Hàm Nghi cùng với đại thần Tôn Thất Thuyết tại Huế năm 1885 bị thất bại, Ngài phải xuất thân, dừng chân làng Văn Xá, Quảng Trị, rồi ngày 13-7-1885 Vua hịch Cần Vương kêu gọi các sĩ phu, hào kiệt, các tầng lớp dân chúng đứng lên chống thực dân Pháp. Các sĩ phu và đồng bào yêu nước hưởng ứng nơi nơi như nhóm Phan đình Phùng đảng Văn Thân chống Pháp, Hoàng Hoa Thám một tay kiệt liệt của phong trào Cần Vương, chí sĩ Phan Bội Châu tổ chức đội Nghĩa Quân dưới hiệu cờ” Sĩ Tử Cần Vương “và lập Việt Nam Quang Phục Hội ở Quảng Nam cùng với Nguyễn Thành, cụ Phan Chu Trinh vụ “Đông Kinh Nghĩa Thục”, thủ tướng “dân quyền” và liên hệ với các chí sĩ ở Quảng Nam như Trần Cao Vân, Trần Qui Cáp, Trần văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu vv.. tiếp tục vạch đường cứu nước.

Đơn cử Tiên sĩ Trần Văn Dư quê Tam Kỳ, Quảng Nam, ông là công thần của Triều Đình nhà Nguyễn khi biết Vua Hàm Nghi có tư tưởng chống chế độ cai trị của thực dân Pháp, Tiên sĩ Dư hưởng ứng và là đảng trưởng các đại thần và do Phụ Chánh Đại thần Tôn Thất Thuyết trong triều đình tổ chức lãnh đạo; Đại thần Tôn Thất Thuyết đã có mật thư đến từng nhà các khoa bảng có tâm huyết trong đảng này ở các địa phương và giao nhiệm vụ họ hoạt động theo kế hoạch. Phụ Chánh Tôn Thất Thuyết cũng đã mật bàn với tiên sĩ Trần Văn Dư đưa ông về giữ chức Chánh sứ Sơn Phòng Quảng Nam để tiện lập căn cứ ở Tả Kỳ chuẩn bị chống Pháp. Sau đó Vua Hàm Nghi đã ra chỉ dụ quyết định ông

quản lãnh Nha Sơn Phòng Dương Yên Huyện Trà My, nơi miền núi eo hiểm dễ lập chiến Khu, ông đã hăng hái lên đường nhận nhiệm vụ mới. Ông đã lo xong việc lập chiến khu, tuyển mộ và luyện tập Nghĩa Quân ứng chiến. Cuộc khởi nghĩa ở Huế thất bại, Vua ban hịch Cần Vương ở Quảng Trị, Chánh sứ Sơn Phòng Quảng Nam liền ra bản **cáo thị** vận động toàn thể sĩ phu cùng toàn dân Tỉnh Quảng Nam và các nơi nhất tề tham gia phong trào Nghĩa Hội, gia nhập Nghĩa Quân, tập hợp lực lượng, xây dựng căn cứ tiến tới khởi nghĩa đánh đuổi thực dân bảo vệ Triều Đình, giành lại độc lập cho đất nước. Bản Cáo Thị của tiên sĩ Trần Văn Dư được các sĩ phu, hào kiệt hưởng ứng tham gia khắp các tỉnh ở Trung Kỳ như Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận đều noi theo và nổi lên, mạnh nhất là ở hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi. Ở Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An ở đâu cũng có thân hào nhân sĩ lãnh đạo phong trào, xướng lên việc Cần Vương. Vì thế quân Pháp chia binh chống giữ vất vả.

Về phần Vua Duy Tân chủ trương khởi nghĩa không thành, nhà Vua bị lưu đày nơi Đảo Réunion tận bên Phi Châu, còn các yếu nhân như nhà cách mạng Trần Cao Vân, Thái Phiên, Tôn Thất Đê, Nguyễn Quang Siêu đồng mưu với nhà Vua xuất cung đêm 3 rạng ngày 4-5-1916, thì bị xử tử hình. Cuộc khởi nghĩa thất bại do Võ An ở Quảng Ngãi, vì tình cảm riêng tư với người em ruột là Võ Huệ, Võ An đã vô tình làm lộ bí mật công việc khởi nghĩa của Vua Duy Tân, quan Án Sát Quảng Ngãi nghe phong thanh cho điều tra biết sự thật, do đó viên Khâm Sứ ở Huế đã hạ lệnh theo dõi đề phòng nên chủ trương của Đảng cách mạng không thành, Hoàng Đế Duy Tân và các chí sĩ tháp tùng bị bắt. Ở Quảng Ngãi có một số người bị khốn khổ lây như ông Tú Ngung, Cử Suy cùng một số đồng chí khác, ở Quảng Nam liên lụy như cụ Phan

Thành Tài, Lê Đình Dương và nhiều chí sĩ nữa, ở Quảng Trị ông Khoá Bảo cũng bị vướng lầy.. Tuy vậy, phong trào Duy Tân vẫn được quần chúng hưởng ứng khắp các Tỉnh miền Trung, mạnh nhất là ở Quảng Nam và Quảng Ngãi dưới sự chỉ đạo của chí sĩ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp, Trần Văn Dư đã làm cho Pháp lo sợ ngày đêm.

Việt nam trải qua nhiều thời kỳ quá khó khăn, gay gắt như trên đã trình bày, có lúc tưởng chừng dễ bị xóa tên trên bản đồ. Thời đại nào cũng có kẻ chỉ biết vinh thân phì gia, không nghĩ vì lợi ích chung của nước nhà, trong khi đó cũng có nhiều vị anh tài yêu nước, cứu nước, dựng nước một cách hào hùng nên đất nước ta vẫn tồn tại, được phát triển và toàn vẹn lãnh thổ. Những vị anh hùng ấy được Tổ Quốc ghi ơn, Các thế hệ con cháu chúng ta noi gương tiền nhân, vì lợi ích quốc gia mà bảo toàn lãnh thổ và giữ vững chủ quyền đất nước.

-----

Trên đây là vài nét đại cương về đất nước rộng lớn, tôi không dám đi sâu vào chi tiết. Dưới đây người viết xin nói về “Quê Tôi”, nơi chôn nhau cắt rốn trong phạm vi nhỏ hẹp: **Quảng Nam Đà Nẵng**.

Người Quảng Nam Đà Nẵng cũng tự hào về nơi “Địa Linh Nhân Kiệt”, người dân hiền hoà, hiếu học, yêu nước và cũng là nơi có lò cách mạng mạnh nhất ở miền Trung, như tiến sĩ Trần Văn Dư là công thần của Triều Đình đã vâng lệnh Vua Hàm Nghi hăng hái về nhận chức Chánh Sứ Sơn Phòng Quảng Nam để lập căn cứ kháng chiến chống Pháp, cụ đã lập căn cứ, tuyên mộ và huấn luyện nghĩa quân, chờ ngày khởi nghĩa; Chí sĩ Trần Cao Vân cùng Thái Phiên chủ chốt đưa Vua Duy Tân xuất cung lãnh đạo cuộc khởi nghĩa năm 1916. Quảng Nam cũng có lắm anh tài có công bảo vệ xây dựng giang sơn với nhiều hình thức khác nhau như các cụ Huỳnh Thúc

Kháng, Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Hoàng Diệu, Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Thành, Nguyễn Tường Tam v.v. mỗi nhà cách mạng có một đường lối chống Pháp. Đặc biệt tiến sĩ Trần Văn Dư sau khi nghe Vua Hàm Nghi ban hịch Cần Vương cụ liền ra **Cáo Tri**. Dưới cùng bản **Cáo Tri** cụ ghi: “**Hàm Nghi nguyên niên, ngày 22 tháng 7 năm Ất Dậu (31-8-1885), Quảng Nam Đệ Nhất Sơn Phòng Nha Kiêm Đệ Nhị Viên Tướng-Chánh Sứ Thần Trần Văn Dư**”.

Lời **Cáo Tri** của Trần Văn Dư đã có tác động rất lớn trong giới sĩ phu, các tầng lớp dân chúng từ Quảng Nam đến Khánh Hoà và từ Thừa Thiên ra đến Quảng Bình, Quảng Trị và Trần Văn Dư trở thành thủ xướng của phong trào Nghĩa Hội Quảng Nam, một công lao to lớn của nhà khoa bảng nơi Tỉnh nhà.

Vua Hàm Nghi xuất bôn, Pháp đưa vua Đồng Khánh lên ngôi, thực hiện đường lối chủ hoà với Pháp. Năm Bính Tuất 1886 vua Đồng Khánh tuần du Quảng Trị để cố dụ vua Hàm Nghi trở về đầu hàng Pháp nhưng không thành. Phần triều đình cũng lo ngại sự hoạt động chống Pháp của Chánh Sứ Sơn Phòng Quảng Nam ông Trần Văn Dư. Nếu để ông giữ chức vụ này là điều bất lợi cho đường lối chủ hoà của Triều Đình. Hoàng Thái Hậu Từ Dũ đã hai lần đến Quảng Nam chiêu dụ ông về Kinh, nhưng ông không chịu về. Sau lần thứ 3 Hoàng Thái Hậu Từ Dũ ra chỉ dụ điều phó bảng Nguyễn Đình Tự người cùng quê thay thế ông và rút ông đi nhận chức Bố Chánh Tỉnh Bình Thuận. Lúc đầu ông không chịu nhưng sau ông nghĩ lại cũng khó cho người đồng quê ông giao lại chức Chánh Sứ Sơn Phòng Quảng Nam cho ông Tự và ông không đi Bình Thuận. Ông đứng ra tổ chức một cuộc họp bí mật của các nhà khoa bảng và thân hào trong Tỉnh để thành lập đảng Cần Vương, xây dựng Nghĩa Hội Quảng Nam. Các chí sĩ trong cuộc họp đã đồng bầu Tiến sĩ

Trần Văn Dư làm chủ tướng. Như vậy Trần Văn Dư thành chủ tướng và là chủ soái đầu tiên của Phong trào Nghĩa Hội Quảng nam giữa năm 1885.

Đánh Tinh Thành Quảng Nam: Chủ tướng Trần Văn Dư chỉ huy 1,000 quân, ông Nguyễn Thành là tuý tướng của ông Dư, ông Nguyễn Duy Hiệu dẫn một cánh quân khác gồm 800 Nghĩa quân đến đóng phía Bắc Vĩnh Điện, Điện Bàn; ông Phan Bá Phiến cùng ông Hồ Hợi cũng đưa 700 Nghĩa Quân đến đóng vùng Bàn An, Điện Bàn. Ngày 6-9-1885, ba cánh quân Nghĩa Hội phối hợp tiến thẳng đến La Qua đánh chiếm Tinh Thành Quảng Nam một cách quyết liệt. Quân trong Thành chống cự không nổi, Tuân Vũ Nguyễn Ngoạn, Bô Chánh Bùi Tấn Tiên và Ân Sát Hà Thúc Quán cho quân mở đường để thoát thân. Sau khi chiếm được thành, các thủ lĩnh kêu gọi binh lính Triều Đình gia nhập Nghĩa Quân, một số lớn họ đã nghe theo. Thủ lĩnh Trần Văn Dư hạ lệnh mở kho thóc phát chẩn cho đồng bào nghèo đói chung quanh vùng Vĩnh Điện. Bộ máy cai trị phủ, huyện đến tổng ở Quảng Nam đều do sĩ phu thân hào nắm giữ, trật tự an ninh được bảo đảm. Tinh thành ở La Qua bị chiếm giữ, quân Pháp ở Đà Nẵng không dám vào, lúng túng một thời gian, họ chỉ vào sau khi Nghĩa Quân rút đi vào cuối tháng 9-1885.

Cụ Trần Văn Dư lãnh đạo phong trào Cần Vương một thời làm cho Triều Đình khó khăn và thực dân Pháp phải nể sợ.

Cụ Phan Bội Châu từ Quảng Trị vào gặp các sĩ phu Quảng Nam để trao đổi đường lối cứu nước. Tuy đường lối cứu nước có khác nhau như cụ Phan Bội Châu chủ trương duy tân, đấu tranh bạo lực, dành độc lập canh tân đất nước, cụ Phan Châu Trinh chủ trương đấu tranh ôn hoà, đòi Pháp thay đổi đường lối cai trị. Tuy đường lối có khác nhau nhưng mỗi người đều tôn trọng ý tưởng riêng và giúp

nhau vì lợi ích nước nhà. Còn nhiều chí sĩ khác góp phần xây dựng quê hương cũng với nhiều hình thức khác nhau. Vào triều đại này cũng có lắm công thần đã có công với đất nước.

----

Người dân xứ Quảng tự hào về danh hiệu “**Ngũ Phụng Tề Phi**” được Vua Thành Thái ban cho khi năm học giả Quảng Nam được ghi danh bằng vàng trong khoa thi Đình năm Mậu Tuất 1898, gồm các ông: Phạm Tuấn, Phạm Liệu, Phan Quang, Ngô Chuân và Dương Tiến. “Ngũ Phụng Tề Phi” biểu tượng sự hiếu học và thành đạt của người dân xứ Quảng.

Ngoài danh hiệu “**Ngũ Phụng Tề Phi**” Tinh Quảng Nam còn có các danh nhân được dân chúng tôn vinh là **Tứ hùng, Tứ hổ và Tam kiệt**.

- **Tứ hùng:** là 4 vị nho sĩ Quảng Nam cùng đỗ cử nhân hàng đầu từ số 1 đến số 4 tại trường thi Hương ở Thừa Thiên năm Canh Tý 1900 đó là các ông Huỳnh Thúc Kháng đỗ thủ khoa 1/42, ông Nguyễn Đình Hiến, vị thứ 2/42, ông Phan Châu Trinh, vị thứ 3/42 và ông Lê Bá Trinh vị thứ 4/42.

- **Tứ Hổ:** Cũng có 4 vị nho sĩ Quảng Nam cùng đỗ Phó Bảng một lần trong khoa thi Hội năm Tân Sửu 1901, đó là Ô Nguyễn Đình Hiến, Võ Vỹ, Nguyễn Mậu Hoán và Phan Châu Trinh.

- **Tam kiệt:** có 3 vị sống cùng thời mà đỗ Thủ Khoa trong 3 kỳ thi Hương liên tiếp như sau: Ông Phạm Liệu đỗ Thủ Khoa trong năm 1894, ông Huỳnh Thúc Kháng năm 1900 và ông Võ Hoàn năm 1903.

Ngoài ra, Quảng Nam còn vinh hạnh được danh hiệu “**Ngũ Tử Đẳng Khoa**” dưới triều Vua Tự Đức cho gia đình ông Nguyễn Công Duệ (tức Đô Sát Viện Hữu Phó Đô Ngự Sử) sinh hạ được 8 người con (5 trai 3 gái). Cả 5 anh em đều đỗ Cử nhân và Tú tài, đã trở thành những nhà giáo mẫu mực, và như thế có công đào tạo nhiều nhân tài cho đất

nước. Nhà Vua ban tặng tám gương bằng đồng có khắc bốn chữ Hán “**Ngũ Tử Đăng Khoa**”. Hiện vật này thất lạc bởi chiến tranh, được tìm thấy vào năm 1958 và đang trưng bày tại Viện Bảo Tàng Sài Gòn.

+++

Sự hiểu học của người dân xứ Quảng rõ nét và thư sinh xứ Quảng cũng hào hoa, cũng biết thưởng thức nhan sắc đậm đà, có trái tim yêu rung động chân thành, đầy tình cảm, cho nên dân gian có câu:

“Học trò xứ Quảng ra thi/ Thấy cô gái Huế chân đi không đành.”

Bao nhiêu thư sinh xứ Quảng đắm đuối “chiếc nón bài thơ” xứ Huế, đắm đuối cái giọng the the ngọt ngào của các cô nữ sinh Trung, Đại Học nơi Sông Hương, Núi Ngự rồi trồng cây si. Khi đổ đạt rồi “rù rì thêm” và được lập nghiệp ngay tại Thành Đô Huế. -Rồi cũng có những cô gái Huế say mê các thư sinh xứ Quảng hiền hoà, hiểu học mà theo cho bằng được để rồi “lọng anh đi trước vòng nàng theo sau” về sống đầm ấm nơi thị thành Đà Nẵng - Hội An và các Quận Huyện nơi Tỉnh nhà khi được bổ nhiệm công tác hay khi về hưu gởi gắm cuộc đời nơi quê chồng, họ hàng tôi cũng có mấy ông cuu mang che chở, cho nên có câu:

“Học trò xứ Quảng ra thi / Mấy cô gái Huế bỏ đi không đành.”

Bên cạnh người con trai Quảng Nam hiểu học, tài hoa đa tình, say mê người con gái xứ lạ, thì cũng có những người con gái xứ Quảng nhan sắc mặn mà, có học thức, từng có lời trao qua đổi lại chân thật, từng có tiếng hát du dương êm ái dễ thương, nên có lắm chàng trai xứ lạ thiết tha và kết nghĩa trăm năm. Nhiều cô ra học tại Huế rồi bị chôn chân nơi này, cũng có lắm cô vào học ở Sài Gòn rồi theo tiếng gọi con tim quên về nơi chốn cũ. Đặc biệt, người “**con gái hái dâu họ Đoàn**” bên bờ hữu ngạn sông Thu, con gái của Đoàn Công Nhạn, được Hoàng Tử Nguyễn Phước Lan du thuyền cùng

thân phụ là Thụy Quận Công rong chơi trên Sông Thu Bồn đã lắng nghe tiếng hát véo von, mộc mạc của nàng bên bờ sông vọng lại làm Hoàng Tử Phước Lan để ý:

*Vua cha đi ngự thuyền rồng*

*Cảm thương phận thiếp má hồng bơ vơ.*

Hay câu:

Thuyền rồng gác phượng đầu đầu/ Cảm thương phận thiếp hái dâu một mình.

Hoặc:

*Tại nghe chúa ngự thuyền rồng*

*Cảm thương phận thiếp lên trông chút nào!*

Cảm thương, Hoàng tử Phước Lan cho người tìm kiếm, đến gặp và trò chuyện, quen thân rồi say đắm. Nàng được rước về cung, sau cùng trở thành Hoàng Hậu khi Hoàng Tử Nguyễn Phước Lan lên ngôi Chúa Thượng và rồi thành Hiếu Chiêu Hoàng Hậu, mẹ của Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần. - Mộ Hiếu Chiêu Hoàng Hậu (tục gọi Đoàn Quý Phi) được táng tại Chiêm Sơn, Duy Xuyên.

Giọng nói của người con gái xứ Huế thì ngọt ngào, mềm mỏng, dễ thương; còn giọng nói của người Quảng thì cứng cỏi, chững chạc mà chân thật. Nhưng mỗi nơi có một vẻ đặc biệt dễ mến, nên hai con người hai xứ liền nhau có phần dễ chia xẻ ngọt bùi, dễ cảm thông lối đi trong xã hội. Có một số từ ngữ địa phương giống nhau như “răng rứa” có nghĩa là “sao vậy” hay “mô tê” có nghĩa là “ở đâu” hay là ở “kia kia”. Có số người miền trên dùng tiếng “nẫu” nghĩa là “họ, chúng nó”, thì ở Thừa Thiên, Huế có số làng quê họ cũng dùng tiếng “nẫu” tương tự và dễ thương:

*Nẫu ở mô tui trông hoài chẳng thấy*

*Ở đàng tê nẫu có thấy tui không?*

hoặc nói lên sự nhay cảm của người Quảng Nam Đà Nẵng:

*“Đất Quảng Nam chưa mưa đà thắm*

*Rượu Hồng Đào chưa nhắm đã say”*

Câu ca dao xứ Quảng hay hay, người dân quê ca hát hằng ngày lúc ở bãi dâu, khi trên

khung cử. Người ngay thẳng thật thà ai cũng thương; người ăn nói mặn mà ai cũng mến, cho nên mới có hai câu ca dao dân gian sau đây:

*Người Quảng Nam ái tình trong sáng  
Khi đã thương ai cần cũng thương*

Cho nên bao kẻ vui vẻ được đưa đi và cũng có bao người được rước về “đáp lễ”.

+++



- Người Quảng Nam cũng nhận được danh hiệu “Vua Cãi”. Cãi đây không phải cãi bừa cãi bướng mà cãi để tìm ra lẽ phải và luôn luôn thẳng thừng, chân thật.

- Người Quảng không phải ai nói cũng nghe, không khom lưng nịnh trên để có miếng đỉnh chung, không co giò đạp dưới để tiến nhanh trên đường danh lợi. Nói ngay nói thẳng. Sau Cách mạng tháng 8/1945, ông Nguyễn Tường Tam tham gia làm Bộ trưởng trong Chính phủ Liên Hiệp của Hồ Chí Minh thời kháng chiến chống Pháp, nhưng bất đồng chính kiến, ông tìm đường ra đi không cộng tác. Khi vào miền Nam dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông không cộng tác và thẳng thừng bày tỏ quan điểm của mình. Ông bị tù và bị đưa ra Tòa xét xử; ông đã tự tử và để lại bức thư trong đó có ý: Đời ông không muốn để ai xét xử, mà hãy để cho lịch sử



xét xử ...

Cụ Phan Khôi, nhà cách mạng và cũng là tay văn học lỗi lạc hồi tiền bán thế kỷ 20 đỗ Tú tài Hán học năm 1915, lúc 29 tuổi, nhưng sớm chịu ảnh hưởng của những nhà cách mạng như Trần Quý Cáp, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu... ông tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và viết báo cho “Đảng- cổ Tùng- báo” do phong trào này xuất bản. Khi tờ báo bị cấm ông về Quảng Nam hoạt động cho phong trào Văn Thân cùng cụ Huỳnh Thúc Kháng, rồi ông bị tù tại nhà lao Quảng Nam.. Ra tù, ông vào Nam dạy học và viết tiểu thuyết. Sau 1945 ông được mời ra Hà Nội rồi đưa lên chiến khu địch sách. Vì tính ngay thẳng và không tán thành chính sách của Việt Minh, từ 1951 ông viết báo chỉ trích chế độ miền Bắc. Ông mất tại Hà nội năm 1959. Phan Khôi là người đã khởi xướng phong trào thơ mới. Năm 1932, ngoài các bài viết cổ vũ, ông đã làm bài thơ “Tình Già” và đăng trên tờ “Phụ Nữ Tân Văn” gây nên những cuộc tranh luận sôi nổi: Tình Già: *“Hai mươi bốn năm xưa/ Một đêm vừa gió lại vừa mưa/ Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ/ Đói mải đầu xanh kề nhau than thở/“Ồi!*

*Đội ta tình thương nhau thì vẫn nặng/ Mà lấy nhau hẵn là không nặng/ Để đến nỗi tình trước phụ sau/ Chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau!...”*

- Cụ Phan Ngô tham dự cuộc họp báo của Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ trong thời Đệ Nhị Cộng Hoà, Tướng Nguyễn Cao Kỳ giải đáp thắc mắc của cụ Ngô và chêm vào câu sau cùng có ý giễu tiếng Quảng cho vui, nhưng không ngờ cụ Phan Ngô sau đó đã phản đối trên báo chí, ông cho rằng đùa giỡn với tính cách cá nhân lúc

binh thường thì không sao, nhưng trong cương vị một Thủ tướng Chính phủ khi đang họp báo trước mọi người thì không chấp nhận được và sau đó Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ phải xin lỗi.

- Quê tôi có ông Cửu Cọi, đã có những cái chống đối quan Phủ Nguyễn Sĩ Túc ở Duy Xuyên thời Vua Bảo Đại như việc xâu thuê, việc bắt lính nạp cho Tây; và thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm ông “sửa khéo” quan Quận Trưởng Duy Xuyên. Tôi nghe ông Cậu tôi kể như sau: Một hôm ông Quận cho người đến nhà mời ông Cọi đến Quận đường để ông Quận có việc cần bàn. Biết ông Quận này không vừa, nịnh trên đạp dưới, ông Cọi mặc chiếc áo dài đen, đầu quấn khăn nhiều, chân mang guốc sơn đàn hoàng, nhưng ông mặc “quần xà lỏn” không mặc quần dài. Khi vào văn phòng quan Quận, ông chào quan Quận đàn hoàng. quan Quận nhìn thấy ông không mặc quần dài, biết ông Cửu chơi mình (Cửu phẩm do nhà Vua ban tặng người có công), ông Quận điềm nhiên, nhẹ nhàng nói:

“Cảm ơn ông Cửu, mời ông Cửu ngồi dùng nước rồi chúng ta trao đổi đôi việc cần có liên quan đến địa phương ta. Ông Quận nói tiếp: Cảm ơn ông Cửu công việc đa đoan mà cũng vội đến ngay với y phục chỉnh tề nhưng ông quên mặc quần dài.

Ông Cọi cúi xuống nhìn, tỏ vẻ ngạc nhiên, lo lắng và đáp:

- “Dạ.., xin lỗi ông Quận, có lệnh trên đòi, tôi đang công tác đồng áng vội vàng về lo thay y phục chỉnh tề, nhưng chỉ “**chu đáo bề trên**” mà lại quên, “**thiếu sót bề dưới**”, xin ông Quận thông cảm..

Quan Quận hiểu ý đáp: Không có chi, và ông đưa ra số việc cần bàn về địa phương.

Tôi kể mấy chuyện tiêu biểu này để chứng minh người Quảng Nam chân chất, thật thà, người trên biết việc hiểu ý thì được



cộng tác chân thành, góp phần xây dựng quê hương, mà bề trên chỉ dùng quyền lực sai khiến những điều không đúng thì họ lui về nhà nhâm nhí trà rượu, nghỉ chuyện đời bày kế chế giễu như ông Cọi ở Duy Xuyên hay ông Tú Quy ở Đại Lộc v.v.

Nói đến quê hương Quảng Nam Đà Nẵng là nói đến nơi có nhiều danh lam thắng cảnh như:

**Phố cổ Hội An**, khách đến Quảng Nam Đà Nẵng, vào thăm thành phố cổ này vẫn có một khu còn duy trì được các ngôi nhà cũ kỹ; bên trong nhà có cột, kèo, xuyên, tránh, rui, mè toàn bằng gỗ quý, tường xây bằng gạch đất nung, lợp ngói âm dương, đường sá thì nhỏ hẹp, từng lớp rêu xanh bu loang lổ trên bức tường xây, hay bu quanh trên các vòm của mái ngói cong lâu đời. Tuy trên ba bốn trăm năm rồi mà thành phố vẫn duy trì thành tích cổ và người dân theo nếp sống xưa, họ hiền hoà, lễ lối sinh hoạt rất dễ mến, khách dễ có cảm tình và có cảm nghĩ đẹp. Đến đây khách nhớ dùng món ăn cao lầu ông Cảnh, chè bắp Cẩm Nam, đặc sản nhà hàng nổi câu An Hội và La Nghi, mua lồng đèn phố Hội và nhớ **tắm biển Cửa Đại Hội An**, có thể nói đây là bãi biển đẹp đẽ, sạch sẽ nhất nước, mùa Hè ngâm mình trong vùng nước trong xanh mát mẻ, mùa Thu có những ngày trời lạnh mà lòng nước lại ấm áp làm “ấm lòng” người bơi lội. Khách có thể đến thăm khu **Thánh Địa Mỹ Sơn** ở Duy Xuyên



và Cù Lao Chàm cách thành phố khoảng hơn 20 km để nhìn cảnh đẹp và ngắm chim Yến lượn quanh nơi khung trời xanh biển biếc, sau đó mời quý vị về lại phố cổ chiêm ngưỡng cảnh nhộn nhịp của “**Đêm Rằm Phố Hội**” nơi bờ sông Bạch Đằng đông nghẹt người, nhìn du khách thích thú trên những chiếc thuyền con đang lững lờ trôi nơi giòng nước và họ đùa giỡn với những chiếc lồng đèn nhỏ đang trôi nhấp nhô trên sông Hoài. Còn những thắng cảnh khác nữa như Chùa Cầu, chùa Phước Kiến, chùa Ông v.v..



Khách thăm **Ngũ Hành Sơn** thuộc thành phố Đà Nẵng sẽ vô cùng thích thú trước quang cảnh:

*Mặt trời rọi chiếu Ngũ Hành Sơn  
Năm ngọn nhấp nhô sóng nước vờn  
Lượn lách từng người lên đến đỉnh  
Nhìn quanh tuyệt đẹp dãy giang sơn.*

Đến thăm khu du lịch **núi Bà Nà – Suối Mơ**, có nhiều thắng cảnh thiên nhiên cũng thích thú không kém, đến đỉnh núi Bà Nà-Suối mơ ban đêm nhìn xuống biển, toàn vùng thành phố và phụ cận cảnh trí thật đẹp với những ngọn đèn về đêm nhấp nhô chiếu rọi từ các tàu thuyền qua lại ngoài khơi, tàu thuyền qua lại vào ra ở hải cảng Đà Nẵng không bao giờ ngưng, phi cơ hạ cánh, cất cánh liên tục ở phi trường quốc tế, sự sinh hoạt ngày đêm sôi động, khách du tới viếng Quảng Nam Đà Nẵng cũng ngập đầy,



Đêm Đà Nẵng như bức tranh màu tuyệt đẹp. Chiều về thành phố Đà Nẵng ngắm mình nơi bãi tắm Mỹ Khê, Thanh Khê ... hay tắm nắng trên bãi cát trải dài từ Ngũ Hành Sơn đến Sơn Trà thì tuyệt vời. Tối lại **du thuyền trên Sông Hàn**, ngồi nếm các món ăn hải sản nơi nhà hàng **Thủy Tạ** hoặc ngồi bên bờ Sông Bạch Đằng, có nhiều món nhậu khách thưởng thức mà hài lòng. Ngoài ra khách có thể đi thăm một số thắng cảnh khác tại địa phương này.

----

Người viết mạo muội kể chuyện quê nhà trong phạm vi hiểu biết hạn hẹp với lòng tự hào hãnh diện mình là người Việt Nam và Quảng Nam Đà Nẵng. Đây chỉ là ý cá nhân, người viết bày tỏ với lòng yêu mến quê hương. Người viết không phải là nhà văn, nhà thơ, viết lách chẳng văn chương bay bướm, không e ngại bạn bè chê cười, chủ yếu là để con cháu hiểu biết cùng tự hào về truyền thống tốt đẹp của ông cha mà noi gương góp phần giữ gìn bảo vệ quê hương mình toàn vẹn. Nếu quý vị nào thấy có điều nào sai sót, bất cập; hoặc người viết có điều gì không phải xin quý vị niệm tình cảm thông và chỉ giáo.

**Duy An Đông**, Đà Xuân 2011.

**Tài liệu tham khảo:** - Việt Nam Danh Nhân tự điển của Nguyễn Huyền Anh

- Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim  
- Tự hào là Người Việt Nam của Cao Thế Dung - Vua Duy Tân của Hoàng Trọng Thược - Quảng Nam trong lịch sử của Trần Gia Phụng.

# Chuyện Người Vợ “Tù Cải Tạo”

## Dương Thị Năng (Bà Vũ Đức Nghiêm)



Ngày Cưới (Hà Nội July 1954)

Hình trên: Ông Bà Vũ Đức Nghiêm (1954)

**T**háng 4-1975, ngày giặc Cộng vào cưỡng chiếm miền Nam, ngày oan khiên nghiệt ngã nhất trong lịch sử Việt Nam hiện đại. Chồng tôi, một sĩ quan cấp Tá, Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, cũng bị đi tù, và kể từ 15 tháng 6 1975, gia đình chúng tôi bị tan tác, chia lìa, một mình tôi phải chịu trách nhiệm nặng nề nuôi dạy bầy đứa con, đứa lớn nhất, 19 tuổi và nhỏ nhất mới lên 8.

Ngày chồng tôi đi tù, anh đang ở Sài Gòn, gia đình ở Đà Lạt nhận tin anh sẽ đi trình diện ngày 15 tháng 6 và nhắn tôi về Sài Gòn, nhưng thư đi chậm, tôi về tới nơi thì đã quá muộn, anh đã đi trước một ngày. Ta có câu, "Con có cha như nhà có nóc", nay chồng tôi đi xa, 8 mẹ con tôi bâng hoàng trước con lốc thời cuộc, và từ đó, bắt đầu chuỗi ngày thê thảm cùng cực dưới sự cai trị bạo tàn và ngu xuẩn của lũ giặc đép râu nón cối.

Mới đây, tôi đọc "Lối Cũ Chẳng Sao Quên" của Bích Huyền, và ngậm ngùi cảm

thương chị vô cùng. Nếu Bích Huyền không thể quên được những con đường khổ nạn đi đến Trại Tù K1, K2, K3, K4 ở rừng núi Việt bắc chấp chùng, thì những ngày tháng chồng tôi đi tù là “Những Ngày Tháng Không Thế Nào Quên Được”. Tôi ghi lại những dòng này để nhắc nhở cho mọi người, nhất là cho các thế hệ con cháu tôi KHÔNG QUÊN những sự tàn bạo, dã man, đê tiện của bọn giặc Cộng cướp nước đã đẩy đọa dân tộc Việt Nam vào một cuộc sống thấp hèn, khổ cực và người dân bị áp bức, bóc lột nhất trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Những ngày đầu tiên, chồng tôi bị giam giữ tại Long Giao, rồi chuyển đến Trại Suối Máu, Biên Hòa. Khoảng giữa năm 1976, tôi được tin V.C đã chuyển tù ra Bắc. Mấy năm không gặp mặt chồng, nhưng tôi đã mừng tượng nhìn thấy thân hình thấp nhỏ và gầy yếu của chồng tôi vì ăn uống thiếu thốn và lao động cực khổ.

Cuối năm 1978, tôi được thư anh cho biết đã chuyển về Trại Tù Nghệ Tĩnh số 6 (NT6) và trại cho tù được thăm gặp gia đình. V.C. không cho tù nói là thăm nuôi, vì trại đã NUÔI tù rồi, gia đình chỉ được thăm gặp, với một số đồ ăn tối thiểu. Tôi lấy vé xe lửa đi Vinh, lòng khắp khởi vui mừng và bồn chồn, mong sao thấy mặt chồng sau hơn 3 năm xa vắng. Ngồi chen chúc trên toa xe chật chội và dơ dáy, tôi vừa co chân lên cho thoải mái, lúc nhìn xuống thì một chiếc dép đã bị lấy mất rồi. Xe lửa tới Vinh, tôi còn phải đi một đoạn đường dài trên 20 km trên một xe hơi cũ kỹ, chạy lắt lư trên đường đầy ổ gà và bụi cát bay mù mịt. Xe chạy lắt mạnh đến nỗi đầu hành khách đung mạnh vào trần xe đau điếng.

## CÔI NGƯỜI QUÁN TRỢ

Quần quanh trong khúc mộng du  
Chợt mưa chợt nắng khói mù thương đau  
Đường về một ngõ chiêm bao  
Tan như sương sớm, trôi vào hư vô

Mộng xưa ước hẹn đón chờ  
Nắng vàng còn thắm, ngẩn ngơ cõi lòng  
Hư cũng không, thực cũng không  
Trần gian là một ngõ không... vô thường...

Đêm tàn ước nguyện nguyên hương  
Cửa thiền vắng lặng, tỏa đường tĩnh tâm  
Bến mê nẻo hoặc ướt đầm  
Nửa khuya âm vọng, trăng rằm kết thơ

Không buồn nghĩ mối duyên hồ  
Không thềm tha thiết mắt mơ, môi hồng  
Trở về hai chữ "sắc không"  
Mưa rồi nắng đổ... một vòng đất xoay!

Vắng đông lấp lánh sương mai  
Hoàng hôn tím nhuộm... trần ai... điệu buồn  
Mộng đời mộ khúc tang thương  
Cõi người quán trọ... đượm hương ưu phiền...

VA, rằm tháng 9 Canh Dần (22-10-10)

**NGUYỄN HẬU**  
**Bùi Thanh Tiên**

Đền bờ sông, xe dừng lại, chúng tôi phải khiêng các bao đựng đồ ăn xuống dò ngang. Tôi thuê 3 chiếc xe đạp thò, 2 chiếc chở máy gói bao bị, còn tôi ngồi sau yên xe chiếc thứ ba. Đến những con dốc, tôi phải xuống xe đi bộ trên những đoạn đường gập ghềnh lồi lõm lờm chờm đá dăm nhọn sắc làm chân tôi rướm máu và đau buốt vì một chiếc dép đã bị mất. Lúc lên xe trở lại, tôi hoảng hốt vì không thấy 2 chiếc xe đạp chở đồ đâu cả, tôi lo sợ rằng họ có thể đạp xe vào những lối mòn ở hai bên đường, nếu họ lấy mất đi, làm sao tôi có thể mang đồ ăn cho chồng, thật uổng công nhịn ăn, góp nhặt chút chi từ từng món ăn trong thời buổi khó khăn này. Tôi cúi đầu thề nguyện, và, tạ ơn Thượng Đế, một lát sau, qua khỏi khu rừng, tôi thấy 2 chiếc xe ngừng ở ven đường. Chỉ còn hơn 1km nữa thì tới trại Nghệ Tĩnh 6 (NT6), tôi phải mượn hai người gánh mấy bao bị thực phẩm về trại NT6.

Đến khu nhà thăm nuôi, trời đã gần tối, mấy chị em vợ tù chúng tôi được cho tạm trú ở khu nhà thăm nuôi, trong một căn nhà lá ọp ẹp, trong căn phòng nhỏ ngăn vách bằng tấm liếp nửa. Gần khu thăm nuôi, có mấy ngôi mộ mới, đất màu đỏ quạch, nằm chơ vơ dưới nắng chiều, tôi thầm nghĩ, "đây hẳn là mộ mấy anh tù xấu số". Qua một đêm gần như thức trắng vì những con rệp đói nhào ra tấn công, làm chúng tôi ngứa ngáy hầu như khắp mọi chỗ trong người. Chị bannằm gần tôi kể lại là có lần có chị đi thăm chồng ở một trại khác, nửa đêm có người bịt mặt, vào trong phòng, lấy các đồ thăm nuôi rồi rút êm, làm tôi mất ngủ vì lo sợ.

Sáng hôm sau tiếng keng báo thức vang lên, tôi thức dậy cùng các chị bạn, chuẩn bị nấu chín một ít đồ ăn, và nấu một nồi xôi, chờ đợi các anh tới. Một tên cán bộ mặt mũi nghiêm trọng bước đến tự giới thiệu và căn dặn: " Khi gặp các anh ấy, các chị phải động viên các anh học tập tốt "nao động" tốt, trở

thành người công dân "nuơng thiện", sớm được hưởng "nuơng" khoan hồng của cách mạng. Các chị không được khóc, vì sẽ "nằm" các anh ấy" nạt" chí, như vậy, các anh ấy còn bị phạt nữa". Chúng tôi cũng dặn nhau phải can đảm, phải nén lòng, đừng để các anh ấy bị rắc rối; mấy chị em đều gạt đầu, nhưng mọi người đều nước mắt lưng tròng rồi.

Chúng tôi cùng ra cửa ngõ về phía trại, một lát sau, có một toán người tù, kẻ vác bị, người đẩy xe cải tiến, lầm lũi đi về phía nhà thăm nuôi, có một tên V.C vác súng dài đi áp tải. Tất cả đều ăn mặc quần áo lạnh lặn, nhưng phần lớn đều gầy gò, nét mặt tiêu tụy, ảm đạm và chịu đựng. Tôi chăm chú nhìn toán người tù, nhưng không thấy chồng tôi đâu cả; mãi về sau, mới thấy một người gầy ốm, thấp nhỏ bước vào, bước chân lao đảo.

Tôi nhận ra chồng tôi, xưa anh uy nghi mạnh mẽ bao nhiêu thì giờ đây xơ xác, tiêu tụy bấy nhiêu; ý nghĩ đó làm lòng tôi quặn thắt; anh đội chiếc nón lá rách rưới, chỉ còn chiếc chóp nhỏ như nón người lính thú đời xưa; đôi chân mộc meo khằng khiêu lê trên đôi dép râu buộc chằng chịt bằng giấy tếp; nước da anh nhợt nhạt như người sốt rét kinh niên; đôi mắt lơ dờ, tròng trắng đã ngả vàng, không còn vẻ tinh anh như trước. Anh bước đi, lao đảo như muốn ngã, tôi muốn chạy lại đỡ anh, nhưng tên V.C đã ngăn tôi lại.

Tên cán bộ phụ trách thăm nuôi gọi từng tên người tù và thân nhân ngồi ở hai bên một chiếc bàn lớn, và hấn ngồi chính giữa. Tôi cho chồng tôi biết tin tức gia đình, anh lắng nghe, giọng xúc động, hỏi thăm tin tức cha mẹ; anh vui mừng khi biết cha mẹ ở California vẫn bình yên và hằng cầu nguyện cho anh sớm được trở về đoàn tụ. Nhìn mắt anh hướng về phía tên V.C với cái nhìn căm hờn, tôi sợ hãi, xin anh nhịn nhục, "nín thở qua sông" để còn có ngày về gặp lại vợ con.

Chỉ 20 phút sau, tên cán bộ cho lệnh mở

các gói quà để "điểm nghiệm"; mọi món đồ phải tháo giây buộc, đổ ra một cái thau để xem có giấu thư từ, tiền bạc trong đó không; và tôi phải để lại một số đồ ăn, mà chúng cho là quá quy định, mặc cho tôi năn nỉ hết lời. Tôi ngậm ngùi nhìn theo anh chất mấy món đồ lên xe cải tiến đẩy vào trại. Giờ đây, nước mắt tôi mới trào ra, không những tôi, mà các chị em khác cũng khóc thương những người chiến sĩ sa cơ, nay bị lũ giặc đày đọa trong cảnh ngục tù. Trên đường về, tôi gặp mấy anh tù đi làm gàn công trại, tôi tặng hết mấy món đồ còn lại cho các anh.

Về Sài Gòn, tôi đau lòng nhìn lũ con đại bơ vơ vì thiếu bố, tình thân tôi bị suy sụp, không biết phải xoay xở cách nào để nuôi đàn con. Tôi cầu nguyện xin Thượng Đế cho tôi đủ sức mạnh và lòng can đảm để vượt qua chặng đường thử thách cam go này.

Sau những ngày mệt mỏi chán chường và quẫn trí, tôi đã lấy lại bình tĩnh, suy nghĩ đến trách nhiệm và bổn phận nên tự nhủ là sẽ hết sức phấn đấu, chịu đựng mọi hoàn cảnh thử thách, thay chồng nuôi dạy con nên người. Tôi cũng bắt chước các chị em bạn buôn bán lật vặt ở bên hông chợ Bến Thành. Hồi đó, công an Cộng Sản được lệnh không cho ai buôn bán bất cứ một món gì trên hè phố. Tôi lấy một miếng nylon trải trên lề đường, bày ít đồ lật vặt thường dùng và những quần áo cũ, các chị bạn tôi thường nói đùa là "chà đồ nhòm" (chôm đồ nhà) để sống qua ngày. Mỗi lần công an VC xuất hiện và có tiếng hô: "Bò vàng! Bò vàng!" là tôi túm bao nylon bỏ chạy, văng cả dép, tóc tai xô tung trông chẳng giống ai! Chịu đựng nắng mưa, sớm đi tối về, cuộc sống thật là trăm ngàn nỗi đắng cay tủi nhục. Có những lúc cơn mưa rào đổ xuống thật bất ngờ, tôi ôm túi quần áo cũ, nép dưới mái hiên nhà, lòng buồn nhớ chồng trong chôn ngục tù, thương các con nhỏ đại bỏ bê ở nhà không ai chăm sóc mà căm hờn quân giặc. Con gái thứ

tư của tôi, cháu Duyên Thơ, có viết mấy câu lục bát làm tôi bồi hồi vô hạn:  
"Mẹ tôi núp dưới hiên nhà."  
"Từng cơn mưa lạnh, xót xa mẹ hiền."

Có những buổi đi chợ về, người rã rời mệt mỏi, muốn nằm nghỉ cho rãn xương cốt, nhưng lại nghe tiếng con gọi: "Mẹ ơi, công an Phường bảo chiều nay đi họp". Trong căn phòng trụ sở phường, một tên cán bộ đứng nói về chính sách của cách mạng, đường lối khoan hồng của Bác, Đảng; những thính giả bất đắc dĩ, phần lớn là phụ nữ, ngồi lê lét trên sàn xi măng lồi lõm, trong bóng tối mờ mờ, người thì ngủ gật, kẻ thì ngồi ngáp dài vì đã nghe nói quá nhiều.

Cuộc sống trôi qua trong buồn thảm vì thiếu thốn, về vật chất là lẽ đương nhiên, nhưng về tinh thần, sự kiềm chế của Cộng sản làm người dân Sài Gòn cảm thấy ngay từ ngày giặc vào cưỡng chiếm miền Nam là Tự do bị cưỡng đoạt.

Trong hoàn cảnh khó khăn ấy tôi tự nhủ là phải cố gắng sống vì tương lai của các con, nên dù vất vả nhọc nhằn đến đâu tôi cũng cố gắng chịu đựng. Tôi không còn trẻ nữa, lúc chồng tôi đi tù, tôi ở tuổi ngoài 40. Tôi không nghĩ rằng mình còn trẻ, đẹp, nhưng bạn bè đều nói tôi là một phụ nữ khá ái; điều này được chứng tỏ là có những tên VC, có thể chúng là sĩ quan Cộng Sản hay cán bộ cao cấp gì đó, thường đến sạp hàng của tôi ở chợ An Đông, lân la, gọi chuyện, mua chuộc tình cảm, có tên sẵn sàng dám sà vào ngồi cạnh chỗ ngồi bán hàng của tôi, nhưng lần nào cũng bị tôi nghiêm sắc mặt nhưng lịch sự đuổi nó đi chỗ khác.

Những ngày tháng gian khổ, thiếu thốn, một nắng hai sương, tôi hết sức dành dụm, dè sẻn, mua được món gì ngon là tôi để riêng ra cho lần đi thăm tới. Có lần tôi nhận được một lá thư nhỏ bằng bàn tay có viết 4 câu thơ:

"Đã mấy năm nay quàn quai đời,"  
"Thèm ăn như đứa trẻ con nghèo."  
"Mẹ ơi! Con nhớ thời thơ ấu,"  
"Những món ăn mà mẹ chắt chiu..."  
(thơ Tô Thùy Yên)

Dưới bài thơ, có chữ ký tắt: G. N.Y.D Tôi bồi hồi đọc bài thơ chỉ có 4 câu và biết chắc đó là chồng tôi nhắn tôi ra thăm, vì bốn chữ G.N.Y.D là viết tắt của "Gọi Người Yêu Dấu" là một bài hát chồng tôi viết trước năm 1975. Tôi lập tức cho cháu Quỳnh Giao ra Nghệ Tĩnh thăm bố.

Cháu Quỳnh Giao được bố cho biết rằng bốn câu thơ trên là của Tô Thùy Yên do bố cháu chép lại, đề địa chỉ người nhận, rồi khi đi lao động, bố cháu bỏ ở bên đường. Đồng bào nhật được biết là của tù, liền mua tem, gửi về cho gia đình. Cháu Quỳnh Giao có viết mấy dòng ghi lại buổi gặp mặt của hai bố con như sau:

"Ngày 17-10-1979... Thế là ta đã gặp bố rồi. Trông thấy bố, ta chạy lại ôm chàng lấy bố, khóc nức nở. Bố vuốt tóc ta: "Nín đi, con gái yêu quý của bố. Lớn rồi còn khóc người ta cười cho! Sau hơn 4 năm ngục tù, bố đã già đi và gầy ốm quá! Những sợi tóc đã bắt đầu lốm đốm bạc, nhưng mắt bố vẫn sáng ngời sau cặp kính long lanh. Bố tháo kính cầm tay, rồi lại đeo kính vào. "Để bố nhìn con gái bố rõ hơn. Xem nào! Con đã 22 tuổi rồi mà vẫn xinh xắn dễ thương như ngày nào". Thấy bố nói vậy, ta thương bố không cầm được nước mắt. Bố nắm tay ta, kể vài câu chuyện vui để làm ta bật cười mà nước mắt vẫn tuôn rơi lã chã. Bố có vẻ vui mừng khi nghe ta nói chuyện này mẹ gửi cho bố các món ăn bố ưa thích. Giờ phút gần bố thật ngắn ngủi. Khi chia tay rồi, ta ngậm ngùi nhìn theo bố cong lưng kéo chiếc xe cải tiến chất đầy quà, hình như bố có vẻ hí hờn lắm! Khi bố ngoảnh lại ở chỗ rẽ, bố có nhìn thấy

con gái bỏ tựa cửa nhìn theo, trên mặt đầm đìa nước mắt không?

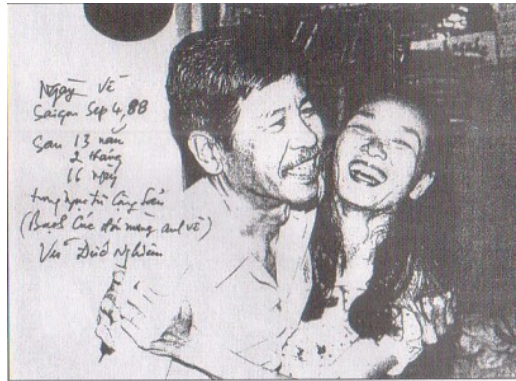
Ta còn nán lại nhà thăm nuôi hai ngày, và đứng ngóng đoàn tù đi lao động xem có thấy bố một lần nữa không, nhưng chẳng thấy. Hẳn là các chú, các bác tù cũng ngạc nhiên thấy một cô bé mắt đỏ hoe, đứng ngóng đoàn tù như muốn tìm kiếm ai... "

Tôi tình cờ đọc mấy giòng chữ của con mà thương chồng, thương con vô hạn.

Hồi đó, phong trào vượt biên làm xô xao Sài Gòn. Tôi suy nghĩ về tương lai các con. Phải đi tìm đường sống cho các con vì nếu ở lại thì sợ có ngày con trai tôi đến tuổi phải đi nghĩa vụ rồi sẽ phải làm bia đỡ đạn cho giặc Cộng ở Cam-Pu-Chia thì khi gặp lại chồng tôi, tôi biết ăn nói làm sao? Và lại, viễn ảnh kinh hoàng khi con một Sĩ Quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa phải đội mũ cối, đi dép râu, mang khẩu AK trên vai cũng làm tôi rùng mình khi nghĩ tới điều sỉ nhục ấy. Cho nên, tôi đã bán tất cả nữ trang và các đồ vàng bạc, đá quý, cho các con vượt biên. Tôi cũng rất e sợ khi nghĩ tới sóng biển, hải tặc, nhưng xin phớt lờ các con tôi vào tay Chúa, với niềm tin các con tôi sẽ tới được bến bờ tự do.

Lần thứ nhất, con gái thứ tư, Giao Duyên, tới Malaysia bình yên, được ông bà nội bảo lãnh về Pasadena, California. Lần sau, ba đứa lớn, Quỳnh, Giao, Dũng bị bắt giam mấy tháng, riêng Dũng bị giam hơn 2 năm. Trong thời gian ấy, tôi phải chuẩn bị nhiều bao bị khác nhau để đi thăm chồng và ba con. Tôi như lên cơn sốt vượt biên, có chút tiền để dành nào cũng gom góp cho con đi tìm tự do; sau hàng chục lần thất bại, nhưng không nản lòng. Rút cục, Dũng cũng đã ra tù, vượt biên qua ngã đường bộ đến Thái Lan và tới Mỹ năm 1983, riêng vợ chồng Quỳnh Giao và Dũng Tuấn, con trai út mãi tháng 9-88 mới đến Mỹ.

Khoảng giữa năm 1986, ở trại tù Xuân Phước một anh tù trẻ được tha về, đưa cho tôi



Người Tù Trở Về (ngày 4 tháng 9, 1988)

Hình trên: Vũ Đức Nghiêm và em gái Bạch Cúc

một ca khúc chồng tôi viết tựa đề là "Đóa Hồng Cho Vợ Hiền". Khi các con tôi đàn và hát bài này, thật là cảm động khi nghe bài hát anh gửi cho tôi. Phần mở đầu, anh viết về một gia đình sống êm đềm ở một thành phố thơ mộng kia, bỗng đâu một ngày trời làm biển dâu, giặc tràn vào, gia đình tan tác chia lìa, nhưng hãy tin rằng mùa đông băng giá rồi sẽ qua đi, đêm tối sẽ tan dần, ngày vui sẽ tới, sẽ không còn nước mắt, không còn ly tan. Anh kết luận :

**Xin cho tôi hôn mái tóc điểm sương**

**Xin cho tôi hôn vàng trán ưu phiền.**

**Xin cho tôi hôn đôi mắt héo hon**

**Năm tháng mỗi mòn, chờ người xa vắng.**

**Cho tôi nâng niu bàn tay chai sần**

**Thay chồng nuôi con một đời vất vả,**

**Cho tôi dâng em một đóa hoa hồng,**

**Đóa hoa tuyệt vời trong đáy lòng tôi...**

Tôi nghe bài hát mà lòng xúc động vô cùng vì tôi biết rằng trong tận cùng khổ đau, tâm hồn chồng tôi vẫn lãng mạn, và như nhà văn Duyên Anh đã nói, một thứ "lãng mạn ngục tù", nhờ đó anh vẫn làm thơ, viết ca khúc để nguôi vui những nỗi khổ đau trong tháng ngày tù ngục. Và tôi tự hào về chồng



tôi, cũng như bao anh em cựu sĩ quan, cựu chiến sĩ dù sống hơn 10 năm trong ngục tù Cộng sản, nhưng vẫn vững tin vào chính nghĩa tự do và tương lai dân tộc.

Đầu năm 1988, nhân dịp Tết Mậu Thìn, Sài Gòn xôn xao về tin: sẽ có rất nhiều người được thả về, sẽ đi xe lửa về ga Hòa Hưng Sài Gòn. Lòng chứa chan hy vọng, tôi đi cùng cháu Duyên Thơ ra ga chờ đoàn tàu về. Quả là có khá nhiều người tù vui mừng bước xuống sân ga được thân nhân tiếp đón mừng rỡ. Chờ đợi mãi cho đến khi người tù cuối cùng rời khỏi sân ga, mà không thấy anh, mẹ con tôi mới quay về, cháu Duyên Thơ ôm tôi khóc nức nở, còn tôi thì không khóc nhưng lòng tôi tan nát, không biết có chuyện gì không may đã xảy ra cho anh và tại sao Tết này anh vẫn chưa được về? Đêm ấy trước khi ngủ, tôi cầu nguyện Chúa với một trái tim tan vỡ vì tuyệt vọng, và tôi xin Chúa cho tôican đảm và nghị lực chờ ngày anh về. Chừng nửa tháng sau, tôi được thư anh nói là bị đau nặng, tôi vội gửi gắp thuốc men và thực phẩm cho anh.

Cho đến đầu tháng 9/1988, anh mới được trả tự do, một mình một danh sách; anh là người “tù cải tạo” cuối cùng được trở về từ trại Xuân Phước sau 13 năm, 2 tháng, 16 ngày tù ngục. Rốt cục, sau nhiều ngày tháng chờ đợi và làm thủ tục xuất ngoại, gia đình chúng tôi đã tới phi trường San Francisco ngày 1 tháng 11-1990, theo chương trình HO-04. Đến nay chúng tôi đã định cư ở California được hơn 12 năm.

Gia đình chúng tôi được xum họp gần như toàn vẹn, chỉ còn gia đình con gái Duyên Thơ đang xin visa, hy vọng sẽ qua Mỹ trong năm tới. Tôi muốn nói lên lòng biết ơn Thượng Đế đã phù hộ, gìn giữ che chở gia đình chúng tôi trong những ngày tháng khốn cùng, với những cơn sóng gió bão bùng, kinh hãi nhất của đời người. Chúng tôi cũng biết

on Chính phủ Mỹ và dân tộc Mỹ đã mở rộng vòng tay cho chúng tôi được nhập tịch và sống tại vùng đất trù phú này. Dù ở một nơi tương đối thanh bình trong một đất nước giàu mạnh, nhưng lòng chúng tôi luôn hướng về quê hương khổ đau và cầu nguyện cho quê hương và đồng bào sớm được sống trong tự do, thanh bình và no ấm.



*Ông Bà Vũ Đức Nghiêm (2011)*

**Dương Thị Năng**  
(San Jose, California)

**TẬP SAN CỔ THƠM**  
và sách của  
**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**  
có bán tại  
**Washington Music**  
**Eden Center**  
**6795 Wilson Blvd. #26**  
**Falls Church, VA 22044**  
**Tel. 703 538 4979**

# Đóa Hồng Cho Người Yêu Đau

Nhạc & Lời : Vũ Đức Nghiêm

Một đóa hoa hồng cho người bạn đời của riêng tôi  
Một đóa hoa hồng cho người vợ hiền dâu yêu trọn đời  
Khung trời thân yêu đậm ấm yên vui, bỗng dưng một ngày, trời làm biển  
đau, giặc tràn vô đây, mười mấy năm trời chia lìa khổ đau.  
Nhưng em ơi, xin vững niềm tin, mùa đông băng giá rồi sẽ trôi  
qua. Vui lên em, đêm tối dần tan, ngày vui sẽ  
tôi, mình hết chia xa. Ngày đó tiếng cười hân hoan sẽ thay cho  
dòng nước mắt ly tan, dưới trăng thanh bình, gió reo cùng đàn âm  
linh. Xin cho tôi hôn mái tóc điểm sương, xin cho tôi

hôn vàng trán ưu phiền, xin cho tôi hôn đôi mắt héo hon, năm tháng mãi  
 mòn chờ người xa vắng Cho tôi nâng niu bàn tay chai sần thay chồng nuôi  
 con, một đời vất vả cho tôi dâng em một đóa hoa hồng, đóa hoa tuyết  
 rơi trong đáy lòng tôi Một đóa hoa hồng cho người bạn  
 đời thủa ngày thơ Một đóa hoa hồng cho người vợ  
 hiền sắt son đời chờ. Cho dù thời gian hồ hững qua  
 mau, thiết tha nguyện cầu ngày về gần nhau, cuộc đời mai sau sẽ quên chia  
 lìa cay đắng khổ đau

Trại Tù Xuân Phước 1986



**PCE**

presents

*Special Thanksgiving Concert*

**A Tribute to**

**Song Writer**

**Vũ Đức Nghiêm**

Music arrangement by Nguyễn Ngọc Châu

Concert sponsored by

**Cổ Thơm Foundation**

**Organizing Committee:**

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Nguyễn Huy Long

Phan Anh Dũng

Tâm Hào

Trương Anh Thụy

**Sunday November 20th 2011 at 3pm**

Location: Saint John's United Methodist Church  
5312 Backlick Road, Springfield VA 22151



# TRUYỆN KIỀU QUA ÂM NHẠC

## ĐỖ BÌNH

Hành trình vào cõi thơ là làm một cuộc phiêu lưu vô tận. Thơ vốn sẵn trong thiên nhiên, hàm chứa nhiều tính chất trong trời đất. Ngôn ngữ của thơ đôi khi ẩn trong văn, nhạc và hội họa bắt nguồn từ cảm xúc tâm hồn. Trong nền văn học Việt Nam thi phẩm Đoạn Trường Tân Thanh của đại thi hào Nguyễn Du không những là một tác phẩm trác tuyệt hàng đầu của đất nước mà còn là đóa hoa muôn sắc trên thi đàn quốc tế. Thi phẩm được dịch sang nhiều thứ tiếng ở những quốc gia có nền văn học cao như Pháp, Anh, Đức, Ý, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Hoa, Nga, Tiệp, Hung, Ba Lan, v.v., năm 1965, tác giả Nguyễn Du đã được tổ chức Văn hóa Liên Hiệp Quốc UNESCO đ vinh danh là một đại văn hào của thế giới. Rất nhiều văn nhân, họa sĩ, trí thức, học giả, nhà phê bình..vv.. đã viết, phân tích, diễn thuyết, minh họa, biên kịch, cải lương... về giá trị tác phẩm của thiên tài Nguyễn Du qua những nét đẹp về phương diện văn chương, tư tưởng và hội họa..vv... Những ai từng đọc truyện Kiều chắc sẽ bùi ngùi thương cảm cho nàng Kiều bạc phận long đong chịu nhiều bất hạnh. Người đọc không khỏi thắc mắc: Tại sao thi hào Nguyễn Du đã đặt tên cho tác phẩm là Đoạn Trường Tân Thanh, Tiếng Kêu Mới về sự Đau Khổ? Tiếng kêu mới nơi đây phải chăng là quan niệm mới về đau khổ, khác với quan niệm cũ về đau khổ, nhìn sự đau khổ là những chuyện tất nhiên? Hành trình từ đau

khổ dẫn đến giải thoát, từ phiền não dẫn đến Bồ Đề, đó là nội dung tư tưởng mà Nguyễn Du đã thể hiện nơi Đoạn Trường Tân Thanh, ? Nếu thế, nỗi đau đó không còn của riêng Thúy Kiều, mà nỗi đau của nhân sinh.

Những năm gần đây truyện Kiều đã được nhìn qua nét đẹp nghệ thuật âm nhạc, giới nhạc sĩ đã thực hiện phổ nhạc Đoạn Trường Tân Thanh, đã gieo vào vườn hoa nghệ thuật thêm sắc màu.

Thơ và nhạc là hai nghệ thuật riêng biệt nhưng rất khấn khít nhau làm say đắm lòng người». Thơ là nghệ thuật của «lời», nhạc là nghệ thuật của «âm thanh». « **Thơ phổ nhạc là nghệ thuật đem thêm âm hòa với âm thanh sẵn có trong thơ, hoặc thay đổi âm thanh của thơ chuyển thể thành những nốt nhạc để hát.**

Trong 3254 câu thơ Kiều, những thanh bằng trắc tạo những nốt trầm bổng cao độ chỉ là “nhạc thơ” có sẵn chứa trong câu thơ. Trong khi “thơ trong nhạc” hay còn gọi là “tính nhạc” gồm những hình tượng, ngôn ngữ được ngắt nhịp theo tiết tấu riêng để diễn tả giai điệu toàn bài chuyên chờ tứ thơ. Trong thi tập Đoạn Trường Tân Thanh gồm khá nhiều câu, chữ, chứa sẵn nhạc thơ tạo nên những tiết tấu, ngắt nhịp, xuống câu. Ví dụ :

Nhịp 2 gồm 3 từ:

“ *Mai cốt cách/ tuyết tinh thần.*

Nhịp 4 gồm 2 từ:

*Mỗi người/ một vẻ/ mười phân/ vẹn mười...*”

Hoặc có thể phân làm 2 nhịp gồm 4 từ :

«Mỗi người một vẻ / mười phân vẹn mười...»

Hay những câu nhịp 2 gồm 3 từ  
“ *Làn thu thủy/ nét xuân sơn*  
Và nhịp 2 gồm 4 từ:  
*Hoa ghen thua thắm/ liễu hờn kém xanh*”..vv...

Để đọc, hay hát trọn vẹn toàn thi phẩm Kiều, người nghệ sĩ đã sáng tạo ra cách ngâm lầy Kiều, sa mạc..vv.. giúp giới mộ điệu thưởng lãm những cái hay, nét đẹp của lời thơ ý truyện bằng âm thanh. ». Ngôn ngữ thơ trong truyện Kiều là những hình tượng đặt vào những thanh âm bằng trắc tạo thành những thang nhạc, cung bậc trong thơ diễn tả tinh tiết, tâm lý những khía cạnh độc đáo từng nhân vật trong truyện. người nhạc sĩ sẽ đồng cảm với tác giả hòa vào từng con chữ để thấy cái sâu lắng chất chứa những âm thanh như tiếng kêu ai oán: « Đoạn Trường Tân Thanh »

Nhạc sĩ Phạm Duy là người tiên khởi đem âm nhạc vào Kiều, ông lựa những đoạn, câu thơ chứa nhiều tính nhạc trong Kiều phổ thành ca khúc. Nhạc sĩ đã dung hợp nhạc giao hưởng tây phương với nhạc ngũ cung, trong đó chất ngũ cung để câu nhạc để luyện lầy diễn tả được ý thơ, chất giao hưởng tạo cho câu nhạc được êm, vút cao, trầm bổng theo ý nhạc mà không theo thanh bằng trắc của vần thơ lục bát. Nhạc sĩ Phạm Duy gọi là: Minh Họa Kiều. Mấy năm gần đây dòng thơ phổ nhạc ở trong nước cũng như hải ngoại nở rộ, thơ nương nhạc chấp cánh, nhạc dựa thơ bay cao, cho dù muốn phổ được một bài thơ « đạt » đúng nghĩa là một nghệ thuật rất khó ! Phổ thi tập Kim Vân Kiều thành nhạc là một việc làm rất khó, cái khó nhất là vì đó là một tác phẩm lớn của dân tộc đòi hỏi nhạc sĩ phải có thực tài, nắm bắt được cái tinh hoa của hồn thơ, tính nhạc toàn thi tập. Nhạc sĩ phải dàn trải giai điệu, nhịp điệu, sắp đặt thể loại soạn thành những cấu trúc đoạn nhạc khác nhau; nhưng vẫn hài hòa, tạo ra từng phân đoạn hợp với tinh tiết câu thơ theo nhân vật trong

truyện. Cái khó của thơ lục bát là nhịp mạnh thường rơi vào cuối câu vần bằng, do đó nhạc sĩ phải khéo dùng những biến cung để dòng nhạc chuyển tiếp linh động không nhàm chán, lê thê. Từ trước đến nay những bài thơ lục bát của nhiều nhà thơ, nếu được phổ thành nhạc, hầu hết những bài thơ đó không dài quá 30 câu để nhạc sĩ dễ cảm nhận phổ thành ca khúc. Muốn thực hiện bản trường ca, nhạc sĩ phải bỏ thời gian để phân tích dàn trải cấu trúc toàn thi tập, tạo những thể điệu, những chuỗi hình nốt, giai điệu, tiếp nối nhau diễn tả dựa trên lời thơ không gián đoạn ý mà soạn cấu trúc nhạc theo lối tây phương, nhưng vẫn giữ được chất nhạc Việt. Điểm khó nữa đối với một thi phẩm lớn là không được sửa lời thơ, hay đổi thứ tự chữ để giai điệu, câu nhạc có kết hay. Do đó nhạc sĩ phải dùng nhiều biến cung thăng, giảm để dòng nhạc ít quay về chủ âm (tonique), hoặc khéo léo dùng những thể điệu, tiết tấu, uyển chuyển của dòng nhạc đương đại.. tạo sự biến đổi cấu trúc giai điệu thành từng đoạn khác nhau làm phong phú ý nhạc.

Trong số những nhạc sĩ phổ truyện Kiều ngoài nhạc sĩ Phạm Duy, ở hải ngoại còn có: Nhạc sĩ Quách Vĩnh Thiện đã phổ toàn tập Kim Vân Kiều. Ngoài ra, truyện Kiều còn được chuyển thể thành một vở ca kịch đương đại dàn dựng theo phong cách Broadway, được nghiên cứu từ bản dịch Anh ngữ tác phẩm Kiều “Tale of Kieu” do Nhà soạn kịch kiêm Đạo diễn Burton Wolfe kết hợp cùng Nhà soạn nhạc Scott Gehman, và Giáo sư, Nhạc sĩ Linh Phương chuyên dịch lời ca tiếng Anh ngược lại tiếng Việt. Ở trong nước có nhạc sĩ Vũ Đình Ân phổ những đoạn mang nhiều tính nhạc trong toàn tập, soạn thành một đại hợp xướng Truyện Kiều, với sự cố vấn nghệ thuật Giáo sư nhạc sĩ Ca Lê Thuần.

Trong cõi bất tận của âm thanh, những dòng nhạc hôm nay đi vào lòng người. Thơ



và nhạc quyện nhau, nhạc nhập vào thơ giúp những con chữ thơ nằm bất động trên trang sách được những người yêu thơ thưởng lãm bằng mắt, cảm nhận bằng tâm, nay hồn thơ cất lên giai điệu, tiếng hát truyền cảm, diễn tả tâm trạng, cảm xúc từng nhân vật trong tác phẩm bằng một thực thể sống động, thoát khỏi thế giới ảo, mơ hồ. Người nhạc sĩ hôm nay phổ thơ có nhiều sáng tạo, không chỉ dựa vào cái thanh bằng trắc có sẵn cao độ trầm bổng trong thơ, mà phổ cái hồn thơ, cái tư tưởng, hay những hình ảnh ngôn ngữ trong thơ mang màu sắc hội họa... Chẳng có nhạc sĩ nào nhân danh sự sáng tạo dám viết lệch cảm xúc của thi sĩ? Không ai lại soạn một khúc nhạc thật buồn để mừng ngày vui hội ngộ của gia đình Thúy Kiều, và ngược lại không thể viết những tiết tấu giai điệu của thể loại nhạc kích động, cuồng loạn, khi Thúy Kiều đang gởi mình vào chôn thiên tu?

Những ai cảm tác về truyện Kiều, chắc sẽ

cảm nhận được nỗi cô đơn tư tưởng của Nguyễn Du khi gởi gắm tâm sự vào tác phẩm, tác giả đã than rằng:

«*Bất tri tam bách dư niên hậu,*

*Thiên hạ hà nhân khấp Tố như* »:

*300 năm sau mới có người hiểu mình !*

Qua sự thâm thúy của tác phẩm tư tưởng, đượm đầy triết lý nhân sinh, người đọc hôm nay đã hiểu, và khám phá được cái lẽ đạo trong Kiều. Ở một cõi nào đó, thi hào Nguyễn Du sẽ vui, khi biết ở thời đại sau vẫn còn nhiều người ca ngợi, và tưởng nhớ đến ông. Tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh vẫn là nguồn cảm hứng cho đời diễn thuyết, biên khảo, sáng tác ở các bộ môn nghệ thuật, trong đó có giới nhạc sĩ về lại chân dung truyện Kiều bằng âm nhạc. Đó phải chăng là tấm lòng người thời nay nhớ và tri ân người xưa?

Paris 10 04 2011

**ĐỖ BÌNH**

ART EXHIBIT  
SPRING  
2011



CONTEMPORARY ART

**ĐINH CƯỜNG  
TRƯƠNG VŨ  
NGUYỄN  
TRONG  
KHÔI**

ARLINGTON ARTS GALLERY  
5179 Lee Hwy,  
Arlington VA22207  
703 532- 4350

## ADIEU MON PAYS

J'ai quitté mon pays  
J'ai quitté ma maison  
Ma vie ma triste vie  
Se traîne sans raison  
J'ai quitté mon soleil  
J'ai quitté ma mer bleue  
Leurs souvenirs se réveillent  
Bien après mon adieu  
Soleil ! Soleil de mon pays perdu  
Des villes blanches que j'aimais  
Des filles que j'ai jadis connues  
J'ai quitté une amie  
Je vois encore ses yeux  
Ses yeux mouillés de pluie  
De la pluie de l'adieu  
Je revois son sourire  
Si près de mon visage  
Il faisait resplendir  
Les soirs de mon village  
Mais, du bord du bateau  
Qui m'éloignait du quai  
Une chaîne dans l'eau  
A claqué comme un fouet  
J'ai longtemps regardé  
Ses yeux bleus qui fuyaient  
La mer les a noyés  
Dans le flot du regret.

**by Enrico Macias**

## VĨNH BIỆT QUÊ TÔI

Tôi lìa xa đất nước rồi  
Rời căn nhà cũ một thời dấu yêu  
Đời tôi héo hắt đi nhiều  
Không còn lẽ sống, sớm chiều dần trôi.  
Vàng dương đẹp, biển xanh tươi  
Tôi đi bỏ lại cuối trời khuất xa  
Bao nhiêu kỷ niệm thiết tha  
Giờ đây trời dậy thặng hoa tâm hồn  
Mặt trời quê cũ ửng hồng  
Xóm làng, phố thị tôi từng vắn vương  
Thân quen bao dáng kiêu nương  
Tôi đi bỏ lại người thương vô vàn  
Tôi còn như thấy mắt nàng  
Long lanh giọt lệ hòa làn mưa rơi  
Lệ mưa chia cách lữa đôi  
Tôi như thấy lại nụ cười đáng yêu  
Kề mặt tôi thật mỹ miều  
Gợi cho tôi nhớ những chiều làng xưa  
Giờ trên tàu chạy xa bờ  
Đưa tôi lìa chốn quê nhà nổi trôi  
Sóng hần mặt nước như rơi  
Quất vào khung cảnh chia phôi dằng sàu  
Tôi nhìn mãi mắt xanh màu  
Lẩn trong khói sóng giang đầu yêu thương  
Rồi chìm khuất dưới đại dương  
Bềnh bồng tiếc nuối, thể lương cõi lòng.

**Tâm Minh Ngô Tăng Giao**

(chuyển ngữ 4 - 2011)

---

*Enrico Macias là một ca sĩ Pháp, gốc Algérie, sinh năm 1938. Ông cùng với vợ rời bỏ xứ năm 1961 và xin tỵ nạn tại Pháp sau khi nhạc phụ bị ám sát. Bài Adieu Mon Pays (Vĩnh Biệt Quê Tôi) được sáng tác vào thời kỳ đó và đã trở thành bài tiêu biểu của Enrico Macias và của những người phải miễn cưỡng rời bỏ quê hương xứ sở.*

# BI HÀI KỊCH BẢO TỒN CỦA SHAKESPEARE

## PHẠM VĂN TUẤN

### 1/ Các nhân vật và vai chi tiết.

Loại truyện: bi hài kịch hay chuyện tình.

Thời điểm: Thế kỷ 15.

Địa điểm: một hòn đảo giữa biển.

Lần đầu tiên trình diễn: 1611.

Lần đầu tiên xuất bản: 1623.

Các nhân vật chính:

*Prospero*, bá tước chính thức của thành Milan,

*Miranda*: con gái của Prospero,

*Ariel*: thần linh, phục tùng Prospero,

*Caliban*: nô lệ của Prospero,

*Antonio*: bá tước của thành Milan, em của Prospero,

*Alonso*: vua xứ Naples,

*Ferdinand*: con trai của Alonso,

*Sebastian*: em của Alonso,

*Gonzalo*: nhà triết học đã cứu sống Prospero và Miranda.

### 2/ Câu chuyện.

Ngày xưa tại kinh thành Milan có bá tước Prospero là người biết pháp thuật (a magician) lại rất yêu thích sách vở. Ông ta đã bỏ nhiều giờ mỗi ngày để đọc nghiên ngẫm các cuốn sách lạ, phủ bụi, mà quên đi việc cai trị kinh thành Milan, giao quyền hành này cho người em tên là Antonio. Sau nhiều năm trường nắm quyền, Antonio cho rằng chính mình mới thực là bá

tước của kinh thành, nên đã liên lạc với vua xứ Naples tên là Alonso, một kẻ thù của Prospero. Cả hai người này âm mưu ám hại bá tước Prospero.

Vào một đêm tối đen, Antonio đã mở cổng thành cho lực lượng của vua Alonso lẻn vào. Prospero và đứa con gái nhỏ Miranda được đưa đi trốn bằng một con thuyền mỏng manh, rò nước. Trong cảnh bất hạnh này, cha con Prospero còn gặp được một điều may mắn, là một người bạn của bá tước đã bí mật lên dấu trong thuyền không những thức ăn, nước uống, mà cả quần áo đẹp và một quyển sách pháp thuật. Hai cha con gặp nạn này đã trôi giạt trên biển khơi trong nhiều ngày nóng nực và nhiều đêm tối đen, và trong cảnh huống cô đơn này, chỉ có nụ cười thơ

ngây của Miranda là khiến cho bá tước Prospero không bị tuyệt vọng. Rồi cuối cùng vào một buổi chiều, ngọn gió lành đã đưa con thuyền mỏng manh giạt vào một hòn đảo xa lạ, nhiều ma quái.

Bước lên bờ, Prospero tìm chỗ ẩn náu rồi khi màn đêm phủ xuống, bá tước nghe thấy các tiếng kêu ai oán, lạ lùng, xuất phát từ trong khu rừng rậm.



Cũng đưa con gái nhỏ trên lưng, Prospero đi tìm ra nơi có tiếng kêu than. Ở tận bên trong rừng sâu, bá tước nhận thấy có một cây thông bị sét đánh gãy làm hai nhiều năm về trước. Có vẻ như tiếng kêu than xuất phát từ thân cây này. Prospero coi kỹ phần thân cây gãy bị cháy đen rồi cầm nơi tay cây gậy pháp thuật, ông ta đọc mấy câu thần chú. Ngay lập tức trong không gian gần đó hiện ra một thần linh. Prospero ra lệnh: *“Hãy nói đi, thần linh, cho ta biết tên và tại sao mi bị vướng mắc vào nơi này”*. Thần linh lấy hơi, vươn mình lên khoảng không rồi nói: *“Tôi là Ariel, bị cột vào thân cây này do mụ phù thủy tên là Sycorax khi tôi từ chối làm điều ác theo lệnh của mụ ta. Sau đó không lâu, mụ ta qua đời, để lại tôi vướng mắc vào cạm bẫy này trong 12 năm rồi”*. Prospero nói: *“Ta thả mi ra nhưng mi có sẵn lòng phục vụ ta không? Mi sẽ thấy rằng ta không bắt mi phải làm các điều độc ác”*. Ariel đồng ý làm theo lời đòi hỏi của bá tước và được giải thoát khỏi thân cây thông nhưng ngay sau đó, xuất hiện một con quỷ dị hình, lông lá đầy mình, găm rú trong đêm tối.

Dùng cây gậy pháp thuật chỉ vào con quái vật đang xông tới, Prospero ra lệnh: *“Quái vật, dừng lại!”*, rồi trong ánh sáng yếu ớt, bá tước xem xét con quỷ ghê tởm này. *“Ariel, mi biết gì về con quái vật này không?”*. Ariel nói nhỏ vào tai bá tước: *“Đây là đứa con của mụ phù thủy Sycorax. Mụ ta phục vụ cho chúa quỷ tên là Setebos cho tới khi bị đuổi vì các hành động quá độc ác của mụ. Mụ Sycorax trốn ra hoang đảo này và để ra con quái vật mà ông đang nhìn thấy trước mắt. Tên của nó là Caliban và nếu ông lưu tâm tới lời tôi cảnh cáo, thì hãy quăng nó xuống biển cho xong việc”*. Nhưng Prospero cũng là một con người bị lưu đây, nên không nỡ tâm làm điều tàn ác như thế. Bá tước nói: *“Để ta thử thuần hóa con vật man rợ này”*.

Kể từ nay, bá tước kiêm nhà pháp thuật, cô con gái nhỏ, thần linh Ariel và con quỷ bất hạnh sống chung tại một nơi trú ẩn trên hòn đảo ma quái. Do sự chỉ dẫn của Caliban, Prospero đã tìm ra một hang khá rộng, khô ráo, gồm nhiều phòng. Dùng pháp thuật, bá tước đã làm thay đổi nơi này thành chỗ cư trú tiện nghi, an toàn, để đọc sách và nuôi dạy cô con gái.

Khởi đầu Prospero đã đối xử với con quỷ một cách tử tế nên Caliban tỏ lòng biết ơn bằng cách cho biết nơi nào có nhiều trái cây ngon, nơi nào chứa nước uống trong sạch. Cô gái Miranda cũng thương hại con quỷ, đã bỏ ra nhiều thời giờ dạy nó biết nói nên sau một thời gian Caliban có vẻ thay đổi. Nhưng sự phục thiện của con quỷ không kéo dài được lâu, nó ghen tức với tấm lòng thương yêu mà Prospero giành cho cô con gái nhỏ, nó định ám hại Miranda nên bị đuổi khỏi hang và bị bắt làm các công việc thấp hèn. Vì vậy nỗi lòng oán hận bá tước trong lòng con quỷ Caliban mỗi ngày một gia tăng.

Miranda xa lánh dần con quái vật. Với sự che chở của Ariel, cô bé lớn dần, quen chơi đùa trên bờ biển hay chạy nhảy trên các tảng đá, lăn la vào nơi ven rừng. Vào mỗi đêm, cô được cha dạy cách đọc sách, được nghe kể lại nhiều câu chuyện lạ, hấp dẫn. Nhưng trong hoàn cảnh bao che, Miranda bắt đầu cảm thấy cô đơn, cần có người bạn cùng lứa tuổi. Trong thời gian này, bá tước Prospero tiếp tục đọc sách và tài năng pháp thuật của ông cũng tăng thêm. Ông ta vẫn còn bị ám ảnh bởi trí nhớ về người em phản bội và về chức quyền tại kinh thành Milan.

Sau 12 năm sống trên hoang đảo, Miranda đã trở thành cô gái 14 tuổi xuân, xinh đẹp như một bông hồng mới nở. Rồi vào một buổi chiều khi đang dạo chơi trên bờ biển, cô thiếu nữ nhìn thấy một vật lạ xuất hiện ở chân trời. Sau một hồi lâu, cô mới biết

rằng đó là một con tàu. Trèo lên mỏm đá cao, Miranda nhìn ra biển rộng, nhủ thầm trong lòng lời cầu mong “con tàu ơi, hãy ghé lại nơi đây!”. Nhưng có vẻ như con tàu đi xa dần, không hướng về hòn đảo.

Trong lúc đang thất vọng vì bóng dáng con tàu khuất dần nơi xa xa, bỗng một cơn bão tố lớn nổi lên. Nhiều lần chớp chói lòa cắt ngang bầu trời. Các lớp sóng cao đang xô đẩy con tàu chòng chành như sắp lật úp. Miranda nghe được nhiều tiếng kêu than của các người trên tàu dù cho gió mạnh gào thét. Và cô thiếu nữ cũng nghe thấy một tiếng hét khác, giận dữ và tàn bạo, phát ra rất gần nơi cô đứng. Quay đầu lại, cô thấy cha đang đứng trên một tảng đá cao hơn, tay cầm cây gậy phép thuật chỉ lên trời cao, đôi mắt dữ tợn. Miranda quỳ xuống chân của cha cô, năn nỉ “Cha ơi, nếu do phép thuật mà cha đã khiến cho nước biển nổi sóng dữ dội thì con xin cha hãy rủ lòng nhân từ. Tâm hồn con thương xót các linh hồn bất hạnh trên con tàu kia”.

Bá tước Prospero lúc này chỉ chú tâm vào phép thuật, không để tâm tới cô con gái yêu. Miranda lại van xin: “Cha ơi, xin đừng làm hại họ!”. Nhà phép thuật vẫn còn vung cây gậy, chỉ huy các trận cuồng phong vùi dập con tàu biển xấu số. Lần thứ ba, cô gái vẫn van nài: “Cha ơi, hãy tha cho họ!”. Lúc này, bá tước Prospero mới ngừng tay và nói: “Thôi”. Ngay sau đó, mặt biển trở lại yên tĩnh. Cô gái Miranda quay sang tìm kiếm con tàu, xem nó đã được an toàn chưa, nhưng tất cả đã biến mất.

Prospero an ủi con: “Đừng hoảng sợ, cha hứa với con rằng không một ai trên con tàu đó bị tổn hại cả”. Miranda bèn hỏi: “Nhưng tại sao cha đã hành động dữ tợn như vậy?”. Bá tước đã ngập ngừng, rồi qua tiếng thở dài, ông đã kể lại cho con gái nghe câu chuyện buồn vì bị phản bội và bị lưu đày. “Cha phải làm tất cả những gì cần làm. Do

phép thuật, cha biết rõ ai đang ở trên con tàu kia – người em trai đã phản bội cha và nhà vua đã đồng lõa với nó. Đây là cơ hội cha phải trả mỗi hận thù. Miranda thương yêu, hãy ngủ đi con!”. Bằng một câu thần chú, bá tước làm cho cô con gái yêu ngủ say rồi sau đó gọi thần linh Ariel lại và hỏi: “Hãy kể cho ta nghe mọi sự việc đã qua”. Ariel bay trong làn gió, nói nhỏ vào tai Prospero: “Thưa ông chủ, tôi đã làm theo ý muốn của ông. Tôi đã khiến cho vài người nhảy xuống biển đang nổi sóng, và người khác nấp dưới sàn tàu. Nhưng tất cả đều được an toàn theo như lệnh của ông”. Prospero hỏi: “Còn con tàu thì sao?” – “Nó đậu tại phía xa của hòn đảo, nơi an toàn và khô ráo, và các thủy thủ chìm vào trong giấc ngủ huyền bí. Các người khác trên tàu bị phân tán xa nhau nơi bờ biển, nhà vua xa cách con trai, ai cũng tưởng rằng người kia đã chết đuối, mọi người đều than khóc thảm thương”.

Bá tước nói: “Hôm nay mi đã làm việc giỏi nên mi sẽ được tự do như làn gió thoảng. Bây giờ mi hãy tàng hình và dẫn đưa con trai của nhà vua lại chỗ nghỉ của ta và con gái ta”. Thần linh Ariel bèn cưỡi gió, bay tới nơi bờ biển mà hoàng tử Ferdinand đang ngồi than khóc vì mất cha. Bay vòng quanh hoàng tử, Ariel bắt đầu thổi lên một điệu nhạc buồn, cảm dỗ. Nghe thấy tiếng nhạc, hoàng tử đứng dậy và kêu lên: “Tiếng nhạc này từ đâu tới vậy?”. Ariel tiếp tục chơi nhạc. Bị lôi cuốn bởi tiết điệu u buồn, Ferdinand đã đi theo theo thần linh tàng hình, băng qua rừng sâu, vào trong hang động của Prospero. Ngoài cửa hang, Miranda đang ngồi chải tóc.

Lòng thật buồn vì thương nhớ cha, hoàng tử Ferdinand bị ngạc nhiên khi nhìn thấy người thiếu nữ trẻ đẹp, bèn hỏi nhỏ: “Có phải cô là nữ thần đã phát ra điệu nhạc lạ lùng không?”. Miranda nhẹ nhàng trả lời: “Thưa chàng, tôi chỉ là một người con gái

tâm thường”, và nàng hân hoan khi nhìn thấy một chàng trai tuyệt vời, khác hẳn cha nàng và Caliban.

Từ trong hang, Prospero nhìn ra và thấy rõ cảnh ngộ. Bá tước cũng vui mừng bởi vì dự định của ông là khiến cho hai người trẻ này sẽ thương yêu nhau. Nhưng ngay sau đó, Prospero đã do dự. Miranda và Ferdinand không thể yêu nhau một cách nhanh chóng và dễ dàng như vậy. “*Tình yêu vội vã không thể bền lâu*”. Bá tước nói nhỏ “*Mối tình này phải gặp trở ngại để có thêm sức mạnh*”. Vì vậy ông bước ra khỏi hang và hét hỏi chàng trai: “*Anh là ai mà dám quấy rầy con gái của ta?*”. Miranda bèn kêu lên: “*Cha ơi, tại sao lại giận dữ như thế?*”. – “*Hãy im đi con. Tôi hỏi lại, anh là ai?*”. Ferdinand buồn rầu trả lời: “*Tiếc thay, tôi là vua của xứ Naples*”. Prospero bật cười và nói: “*Là vua hả? Anh chỉ là một người thường dân*”. Ferdinand đáp lại: “*Cha tôi là vua, đã bị thất lạc trong cơn bão tố. Do tổn thất này, tôi được vương niệm*”.

Mặc dù câu trả lời đã làm cho bá tước vui lòng nhưng ông ta chưa để cho Ferdinand thoải mái. “*Tôi cho rằng anh là giả, tôi đây để chiếm đoạt hòn đảo của ta và cô con gái của ta. Giờ đây anh phải là kẻ phục tùng của ta*”. Ferdinand rút gươm ra và la lên: “*Nhà vua xứ Naples không phục tùng ai cả*”. Prospero bèn dùng ngón tay, chỉ vào cây gươm của Ferdinand khiến cho nó trở thành quá nặng và hoàng tử không thể nhấc nó lên nổi. Rồi nhà pháp thuật chỉ cho hoàng tử thấy một đống củi lấm bùn và ra lệnh mang củi vào trong hang động. Bá tước cho rằng làm như vậy sẽ khiến cho Ferdinand nhận biết rằng chiếm được Miranda không phải là một công việc dễ dàng.

Sau khi đã sai bảo hoàng tử, Prospero bèn gọi thần linh Ariel và nói: “*Bây giờ hãy dẫn ta tới gần các kẻ thù của ta*”. Vào lúc này trên bờ biển, nhà vua và các người khác

## Hạ Hồng

Mưa hạn thấm từng viên đất nhỏ  
Vũng đầy tung sóng sánh nước lành  
Mùa an khởi cùng niềm hoan hỷ  
Hạ kiết hồng mừng đất vỡ xanh.

## Ý Anh

(Maryland)

đang đi tìm dấu vết của Ferdinand. Khi tin tưởng rằng hoàng tử đã bị chết đuối, vua Alonso than khóc. Prospero cũng nghe thấy mọi người than đói nên bảo các thần linh của hòn đảo dọn ra một bàn tiệc bày nhiều thức ăn hấp dẫn. Mùi hương thơm ngào ngạt từ các đĩa thức ăn bay tràn trong không gian khiến cho bọn người kia thèm thuồng. Nhưng trước khi họ cầm thức ăn lên thì thần linh Ariel xà xuống mặt bàn, hóa thành một con quỷ có cánh. Bọn người đắm tàu giật mình, lùi lại. Con quỷ bèn vỗ cánh khiến cho tất cả thức ăn trên bàn biến mất. Ariel la lên: “*Này, các người phạm tội*”, rồi chỉ vào nhà vua và người em của bá tước Prospero: “*Bây giờ các người hãy nhớ lại tội ác ngày trước của các người chống lại Prospero, bá tước thành Milan và cô gái Miranda. Hãy nhớ tội tội ác và hãy ăn năn*”.

Ngạc nhiên trước sự việc con quỷ có cánh biết rõ quá khứ của mình, vua Alonso và Antonio quỳ xuống đất, khóc than vì sợ hãi. Prospero rất vui lòng trước cảnh huống này. Ariel trở lại bên Prospero và bá tước nói nhỏ với thần linh: “*Bây giờ mi hãy bay và xem Caliban đang làm gì, để ta coi chừng*

*Ferdinand và Miranda*”.

Ariel đã nhìn thấy Caliban đi trên bờ biển, nặng nề vác với một khúc gỗ lớn. Bỗng nhiên con quỷ này ngừng lại. Phía trước nó là một người đàn ông ăn mặc kỳ lạ. Sợ rằng đây là một vị thiên thần gửi xuống để trừng phạt nó vì đi chơi lêu lổng, Caliban nằm bẹp xuống đất, chui người nấp dưới tấm vải rách. Nhưng thực ra, đây chỉ là anh hề Trinculo. Anh hề này còn rối trí vì mới thoát khỏi cảnh chết đuối. Anh ta ngã vào Caliban rồi kêu lên: *“Đây là con người hay con cá? Thật gớm ghiếc, một con cá vì mùi tanh quá”*. Một hồi sấm nổ vang trên bầu trời đen đặc. Trinculo kêu lên: *“Nếu một cơn bão tố nữa xảy ra như lần vừa qua, ta sẽ bị chết đuối khi đang đứng đây”*, rồi anh ta bò xuống, chui vào tấm vải rách của Caliban để trú ẩn. Cảnh huống này khiến cho Ariel phải cười thầm: *“Đây quả là một cặp khác thường”*.

Sau đó, anh quản gia Stephano của nhà vua đi tới. Anh ta nổi được trên mặt nước và trôi giạt vào bờ là nhờ một thùng rượu chát. Để an ủi vì đã sống còn, Stephano uống nhiều rượu đến nỗi mất cả trí khôn. Tới lúc này do vấp ngã vào Caliban và Trinculo vì say rượu, anh ta chỉ biết mình gặp một con quỷ hai đầu. Anh quản gia la lớn: *“Đồ khùng, ta không sợ người đâu”*, rồi dơ cao ly rượu chát làm bằng vỏ cây. Caliban sợ quá, năn nỉ: *“Ôi, thiên thần, đừng hành hạ tôi, tôi sẽ mang củi về nhà thật sớm”*. Nghe thấy vậy, Trinculo kêu lên: *“Nó nói cùng một thứ tiếng với mình”*. Trinculo cũng hỏi: *“Anh Stephano đấy hả?”*. Sau đó cả anh hề và con quỷ cùng gỡ bỏ tấm vải rách ra và Stephano truyền ly rượu chát cho hai kẻ này. Rượu chát thật là tuyệt vời đối với Caliban, nó cho rằng người có rượu này phải là một vị thiên thần. Nó bèn quỳ xuống, hôn chân Stephano và nói: *“Tôi nguyện làm đầy tớ của ngài. Tôi sẽ chỉ cho ngài biết kẻ tàn ác đã chiếm giữ*

*hòn đảo này của tôi. Tôi biết khi nào hẳn ngủ. Ngài có thể giết hẳn và chiếm đoạt cả hòn đảo lẫn cô con gái”*.

Khi Stephano đồng ý, Caliban đã nhảy múa và ca hát, rồi dẫn anh quản gia và anh hề tới hang động của nhà pháp thuật. Ariel đã đưa bọn này vào vũng lầy khiến cho họ bị chậm chễ, trong khi đó bay đến gặp Prospero và báo tin sự nguy hiểm sắp tới.

Trong lúc này Ferdinand phải làm công việc cực nhọc mà Prospero giao phó. Miranda đã khóc lên khi nhìn thấy cảnh này. Cô thiếu nữ bèn tới gần đóng cũi và kêu lên: *“Hãy để em làm việc này thay anh”*, nhưng Ferdinand đã trả lời: *“Không, bộ mặt dễ thương của em đã làm cho công việc trở thành nhẹ nhàng”*. Trong vòng bí mật, Prospero quan sát thấy cảnh làm việc vất vả của Ferdinand mà không than van. Bá tước tin rằng hoàng tử thật sự yêu thương Miranda. Prospero tới gần con gái và nói dịu dàng: *“Lại đây con”*, rồi ông dẫn Miranda về phía Ferdinand, đặt bàn tay của hai trẻ vào nhau. Bá tước nói với hoàng tử: *“Tất cả những gì rắc rối này là cách thử tình yêu của con. Bây giờ ta ban phước lành cho sự đính hôn của hai con”*. Rồi ông ta gọi các thần linh trên đảo xuất hiện thành các nữ thần và ban phước lành cho cặp uyên ương tương lai. Cảnh chúc lành này chưa diễn ra được lâu thì thần linh Ariel đã bay đến, báo tin cho bá tước biết âm mưu của Caliban. Prospero nói: *“Tiếc thay, cảnh vui vẻ của chúng ta phải chấm dứt bây giờ”*, và ông ta vung cây gậy pháp thuật lên khiến cho các thần linh biến vào không gian, rồi sau đó bảo đôi trẻ lui vào trong hang động.

Prospero tìm cách đối phó với Caliban. Ariel ở bên bá tước và nói: *“Kẻ phản bội không bao lâu sẽ dẫn các người kia tới gặp ông”*. Prospero bèn nghĩ ra một kế hoạch và bảo Ariel: *“Hãy mang lại đây các bộ quần áo*



*đẹp nhất của ta*”, rồi bá tước treo lô quần áo này trên các cành cây, gần nơi bãi trống. Khi tới gần bãi đất trống thì Caliban bảo Trinculo và Stephano: *“Chớ ngừng tại đây, đầu tiên hãy giết Prospero rồi quần áo đẹp, con gái và hòn đảo sẽ thuộc về các ông”*. Nhưng lời khuyên của con quỷ đã không khiến cho hai người kia nghe theo vì họ chưa từng được mặc quần áo đẹp như thế này. Trong khi hai kẻ gia nhân đang thử quần áo thì Prospero ra lệnh cho hai thần linh của hòn đảo hiện thành hai con chó rừng hung dữ, mắt lồi ra, nhe răng nanh đe dọa, khiến cho cả hai tên kia phải bỏ chạy.

Bá tước Prospero tới lúc này mới bảo Ariel dẫn nhà vua và các kẻ tùy tùng tới hang động. Nhà pháp thuật nghĩ tới việc trả mối hận thù xưa. Ông ta mặc áo choàng vào rồi cầm lấy cây gậy quyền thuật nhưng chính vào lúc này, thần linh Ariel trở lại và nói nhỏ vào tai bá tước: *“Ông chủ đã nhìn thấy nhà vua và người em phản bội trước kia than khóc vì tội ác mà họ đã từng làm, trái tim của ông không xúc động sao? Một tảng đá phải nứt ra, một thân cây phải chảy nhựa vì thương xót nỗi ăn năn của họ”*. Prospero bị ảnh hưởng bởi lời góp ý của Ariel: *“Nếu mi chỉ là gió thoảng mà còn biết cảm thông cho những con người này, thì ta đây lại không biết tha thứ hay sao?”* Nhà pháp thuật ngồi xuống, cúi đầu suy nghĩ. Ông ta giữ yên lặng một hồi lâu bởi vì không dễ dàng gì đè nén cơn tức giận. Cuối cùng bá tước nói: *“Ariel, dẫn bọn họ lại gặp ta”*.

Không bao lâu sau đó, nhà vua và các người khác đã đứng trước cửa hang động. Họ ngạc nhiên biết chừng nào khi nhìn tận mắt thấy vị bá tước đích thực còn sống. Họ than khóc và xin tha thứ. Prospero mỉm cười: *“Ta tha tội cho các người, tội làm hại ta”*. Khi nhà vua và người em Antonio tuyên bố từ bỏ mọi

quyền hành của kinh thành Milan thì Prospero nói với nhà vua: *“Để đổi lại, ta hoàn trả bằng một sự việc đáng ngạc nhiên”* và bá tước kéo tấm màn che cửa hang động, sau đó là cảnh Miranda và Ferdinand đang chơi cờ với nhau.

Miranda là con người chưa từng được nhìn thấy nhiều người khác tụ tập đông đảo như lần này nên sửng sốt, cầm lấy tay Ferdinand và nói nhỏ: *“Tại sao lại có nhiều người đáng yêu ở nơi này như vậy? Ôi, một thế giới mới với thật nhiều người”*. Chính vào lúc này, nhà vua khóc lên vì sung sướng khi được gặp lại người con trai còn sống sót và hoàng tử Ferdinand chạy ra, ôm lấy vua cha, đồng thời Ariel cũng làm tăng thêm niềm vui cho mọi người bằng cách mang lại con tàu trước kia đã được giấu tại một nơi kín đáo. Cuối cùng, theo mệnh lệnh của Prospero, thần linh Ariel dẫn anh hề Trinculo, anh quản gia Stephano và con quỷ Caliban tới gặp mọi người. Bá tước nói: *“Tôi cho rằng hai người kia là của các ông, còn tôi đành nhận lãnh con vật u tối này”*. Caliban cũng góp ý: *“Kể từ nay tôi sẽ hành động khôn ngoan hơn trước. Tôi thật là ngu xuẩn khi tôn vinh một gã say rượu làm thiên thần”*.

Cuối cùng, bá tước Prospero leo lên một mỏm đá cao nhất, ông ta giơ cao cây gậy và cuốn sách pháp thuật rồi ném chúng xuống biển. Thần linh Ariel bèn nhận lấy hai món đồ này, đem chôn tại một nơi an toàn, thật sâu trong lòng đại dương. Sau đó bá tước trả tự do cho Ariel, một nhân vật mà ông ta yêu quý chẳng khác gì cô con gái Miranda.

Khi bình minh trở lại, thần linh Ariel đã mang tới một món quà tặng cuối cùng, đây là các làn gió thuận hòa thổi con tàu mang vị bá tước, hai kẻ đang biết yêu và tất cả những người khác, trở về kinh thành Naples là nơi mà Ferdinand và Miranda sẽ cử hành lễ cưới.

## CỔ TỜ

Cổ tờ muôn muốt bờ non  
Đa tình con mắt đỏ hơn mơ màng  
Tối đi sao lại ngỡ ngàng  
Trời đang lún phún một làn mưa xuân  
Đâu là bướm của giai nhân  
Ô hay sao lại hóa thân kiếp người?

## Phan Khâm

## NHẬN THƠ BẠN\*

Đến tuổi hoàng hôn bóng xế rồi  
Bôn hành xuôi ngược thuở nào ngơi  
Bao lần ly tán thân bầm giập  
Mấy cuộc chia lìa phận nổi trôi  
Chấp cánh ngõ bay qua lửa bỏng  
Mất đà mắc kẹt giữa dầu sôi  
Ngổn ngang tâm sự thơ trao bác  
Gió mới sao mà chậm tới nơi!

## LÝ HIẾU

VA 03/2011

(\*) Họa vãn “Buồn đời” của nhà thơ Hoàng Đăng

### 3/ Vài nhận xét.

Vở bi hài kịch “*Bão Tố*” (The Tempest) được trình diễn trước Vua James I của nước Anh vào ngày 1/11/1611 nhưng trước đó, có thể đã có vài lần ra mắt khác. Nhiều học giả tin rằng Shakespeare đã viết ra 37 kịch bản, nhưng rất khó khăn khi tìm cách xếp hạng các vở kịch này do thiếu các ghi chép về ngày tháng. Tác phẩm đầu tiên do Shakespeare soạn ra là vở kịch Henry VI vào năm 1591, trong khi “*Bão Tố*” được viết vào cuối quãng đời sáng tác, năm 1611, cùng thời với các tác phẩm Cymbeline và The Winter’s Tale (Chuyện Kể vào Mùa Đông).

Giống như nhiều câu chuyện tình khác, “*Bão Tố*” có thể được coi là một truyện thần tiên, gồm các nhân vật xấu và tốt, gồm một tình yêu trong trắng, không phức tạp và nhiều sự việc xảy ra một cách lạ thường như trận bão do pháp thuật, các phù phép làm tê liệt kẻ xấu và bảo vệ kẻ tốt, các thần linh huyền bí...

Các vở kịch danh tiếng thường có chủ đích trình bày cuộc đời, đưa ra các hoàn cảnh đại diện mà không cất nghĩa; vở kịch “*Bão Tố*” cũng theo cách này, đã cho thấy các ý tưởng, nếu nói một cách đơn giản, là sự tương phản giữa thiên nhiên (nature) và xã hội (society), là các vấn đề phạm tội, chuộc tội và hòa giải. Antonio đã âm mưu chiếm đoạt quyền hành cùng với vua Alonso rồi cả hai đã nhận tội. Alonso đau khổ vì sợ mất đứa con, đã nhớ lại tội phạm của mình và sự hòa giải là đám cưới của Ferdinand cùng người con gái Miranda của Prospero. Tình yêu giữa hai người thuộc giới trẻ này đã xóa đi hận thù của thế hệ trước, đã nói lên rằng sự vô tội và niềm tin của giới trẻ thì mạnh hơn tham vọng và ác tâm của thời đại cũ.

Qua vở kịch, Prospero là một nhà cai trị có từ tâm, không báo thù, đặc biệt đối với người em Antonio mà ông ta coi là phản bội,

ám hại mình. Prospero còn là một nhân vật công bằng, chính trực, ngoài đặc tính thông minh, hiểu rộng.

Ariel là thần linh biết từ chối làm điều ác theo lệnh của mục phù thủy Sycorax. Sự tuân lệnh của Ariel rất quan trọng trong việc biểu lộ lòng nhân đạo của Prospero, giúp công vào sự tha tội, và các hành động của Ariel thật là tương phản với việc làm của Caliban, con quỷ với dự mưu ám hại.

Caliban được diễn tả là một sản phẩm của thiên nhiên, giòng dõi của mục phù thủy và tội ác. Bản chất của Caliban là vô lễ, nổi loạn, chỉ bị kiềm chế do pháp thuật. Caliban đã hành động mà không suy nghĩ, không hiểu rõ các sự việc xảy ra và các người chung quanh. Nó tượng trưng cho một đứa trẻ của thiên nhiên, khó giáo dục, hành động như một con vật. Hình ảnh của Caliban có thể là lời bác bỏ ý tưởng cho rằng con người giống như cây cỏ, chỉ có thể phát triển tốt đẹp trong môi trường thiên nhiên.

Miranda là một thiếu nữ mới trưởng thành, ngây thơ, trong trắng, biết vâng lời, chưa từng được biết tới một người nào khác ngoài người cha già. Cô gái này có lòng từ tâm đối với những người đi biển trong cơn bão tố. Do bởi sống nơi cô đơn, Miranda không biết tới cách tán tỉnh của Ferdinand bởi vì cô là con người trong sạch, lương thiện và biết yêu.

Giống như Miranda, Ferdinand cũng lương thiện, tử tế, kính trọng cô bạn gái và biết thương yêu cha. Hoàng tử này đã hứa hôn với Miranda khi tin tưởng rằng người cha đã qua đời trong cơn bão tố, nhưng khi gặp lại cha còn sống, Ferdinand chấp nhận ngay uy quyền của cha và báo tin cho cha rõ về mối tình mới. Ferdinand là một con người

của danh dự, tương xứng với Miranda do nhiều đức tính.

Alonso là vua của xứ Naples, là người chịu trách nhiệm về tội phạm của Antonio bởi vì nếu không có sự thông đồng của nhà vua thì người em Antonio không dám phản nghịch người anh Prospero. Hình ảnh Alonso đau khổ vì không biết tin tức đứa con trai, rồi hối hận về tội phạm đã làm, cho thấy nhà vua này là người tốt và chính đáng.

Antonio là con người bị thúc đẩy do tham vọng. Dù cho run sợ trước các pháp thuật, Antonio chưa tỏ ra đủ hối hận về hành vi tội phạm trước kia.

Vở bi hài kịch “*Bão Tố*” lại được trình diễn vào năm 1613 nhân dịp lễ cưới của công chúa Elizabeth, con gái của Vua James I. Trong vở kịch này, tác giả cũng nhắc tới con gái vua Alonso kết hôn cùng vua xứ Tunis dù cho sự thành hôn ở ngoài ý muốn của công chúa. Vào thời đại của Shakespeare, các đám cưới vương giả thường do nhiều mưu tính chính trị nhưng đối với Miranda và Ferdinand, cuộc hôn nhân này phản ảnh sự ngây thơ của hai nhân vật, họ thuộc vào một thế giới mới, can đảm, và tác giả Shakespeare đã không dùng phụ nữ vào các kế ước chính trị.

Các vấn đề xã hội thường được các nhà soạn kịch đưa lên sân khấu bởi vì đây là một tiểu vũ trụ, một thứ hình ảnh của vũ trụ rộng lớn hơn, và sân khấu là nơi mô tả sự liên lạc giữa các người dân và nhà vua, giữa con người và Thượng Đế. Vở bi hài kịch “*Bão Tố*” còn là một trong các đại tác phẩm mà Đại Văn Hào Shakespeare viết ra để từ biệt sân khấu./.

**PHẠM VĂN TUẤN**  
(Virginia)

# CHIỀU SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

## Hạnh Phúc & Đau Khổ

### Trong Âm Nhạc Và Văn Chương Việt Nam

**B**uổi sinh hoạt Chiều Văn Học Nghệ Thuật của Câu Lạc Bộ Văn Hoá Việt Nam Paris được tổ chức vào ngày 03-04-2011 tại Montrouge. Ngoài việc ra mắt CD Tình Khúc Tha Hương còn có đề tài nói về Hạnh Phúc và Đau Khổ trong âm nhạc và văn chương Việt Nam. Với không khí một buổi chiều xuân đậm ấm, nơi đây hiện diện đông đủ những khuôn mặt trí thức văn nghệ sĩ quen thuộc.

Chương trình bắt đầu vào khoảng 3 giờ được chia làm hai phần. Trước hết ra mắt CD Tình Khúc Tha Hương, sau đó cùng nhau thảo luận về Hạnh Phúc & Đau Khổ trong âm nhạc và văn chương Việt Nam. MC Thúy Hằng và MC Trần Hải Yến giới thiệu Bác sĩ Phan Khắc Tường là Chủ tịch Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris, ngõ đôi lời cảm tạ quan khách đã bỏ thì giờ quý báu để đến tham dự: « *Cứ nhìn vào âm nhạc và văn hóa của một nước ta sẽ biết đến tâm tư của người dân đó như thế nào. Người dân Việt Nam chúng ta trải qua nhiều đau khổ vì chiến tranh xảy ra triền miên. Có nhiều người Pháp hỏi tại sao nhạc của các anh nghe như tiếng khóc? Cũng bởi vì người dân chúng ta đang đau khổ. Nay đến đất Pháp được hít thở không khí tự do, chúng ta có những dòng nhạc mới cũng là những dòng nhạc tha hương, đau khổ của các tác giả mà chút nữa đây các bạn sẽ được nghe những bài ca ly hương cũng là một niềm đau thì tôi nghĩ đề tài Hạnh Phúc và Đau Khổ trong âm nhạc và văn chương Việt Nam là điều rất hữu ích để chúng ta phân tích.* »

Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên trước khi giới thiệu CD Tình Khúc Tha Hương đã dành vài phút để tưởng niệm đến Nhạc sĩ Đan Trường là một nhạc sĩ tiền chiến đã vĩnh viễn ra đi vào đầu

năm 2011. Tác giả nhạc phẩm nổi tiếng « Trách Người Đi » không ai mà không biết đến.

Và với bao nỗi cảm xúc bùi ngùi khi nhớ đến những giây phút đầu tiên cho đến khi hình thành CD là một tình khúc trong đó được lựa chọn 4 bài mỗi người của các tác giả: Đỗ Bình, Phạm Đình Liên, Lê Mộng Nguyên. Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên cho biết: « *Chiều Trên Sông Seine, với giọng ca của Tấn Đạt, hòa âm phối khí của David Đông và Đình Bá Dzu thật lãng mạn: Chiều tà uơm nắng tơ thu về soi bóng sông Seine lững lờ. Chuyen tình như áng mây theo cánh chim xưa em về phương nao ?. Thu Cầm, với giọng hát Ánh Tuyết, hòa âm Quốc Lâm và Ngọc Thế: Chiều thu nơi viễn xứ, tâm hồn ta héo hon, nhìn lá úa rơi đầy lòng sao vấn vương ? Hay ta buồn cho kiếp đời ly hương? Ta như chiếc lá, gió cuốn bay, bay về đâu?- Xin trả lời về cố quốc vì anh viết tha thiết : « Trong tia nắng ấm thoảng lung linh niềm đau làm hồn ta chợt nhớ thương quê nhà ». Song Đỗ Bình cũng như một phân trí thức hiếm hoi ở Paris trung thành với giao ước đã mượn lời Victor Hugo: « Tôi sẽ chia sẻ đến tận cùng cái kiếp lưu vong của tự do. Ngày nào tự do được hồi phục, ngày ấy tôi sẽ trở lại quê hương ». (Quand la liberté rentrera, je rentrerai)...Viễn xứ mây chiều vương dáng mẹ, mắt buồn u uẩn mấy hàng tre. Tuyết rơi tê tái hồn vong quốc, mẹ xá cho con tội muôn về. Trích tập thơ Bóng Quê của nhà thi nhạc sĩ. Một Thoảng Paris do Hương Giang ca, Phó Khuya do Xuân Phú diễn đạt, cả hai được hòa âm phối khí của David Đông đều rất thơ mộng xứng đáng với một nhà thơ và cũng là một nhạc sĩ có biệt tài.* »

Năm 1957 sáng tác tại Paris bài ca đầu tiên « Hẹn Một Ngày Về » để tặng người vợ tương

lai, được ra mắt trong CD Việt Nam Mến Yêu 1, ngày 12-06-2004, bài này do chính phu nhân Minh Cẩm hát, nên sau khi về hưu từ năm 2000, Giáo sư Phạm Đình Liên đã dành hết thì giờ cho âm nhạc. Như Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên đã nói: « *Phạm Đình Liên từ đạo ấy đã bỏ dạng nhà khoa học để bắt đầu ôm mộng trở thành một nhà soạn nhạc, đi sâu vào tình yêu với tình cảm nhẹ nhàng những lời thơ rất đẹp, qua các bài : « Thu » của nhà thơ Quỳnh Liên, « Thương » thơ Phạm Quang Minh (tác giả Hoạn Nạn Ca), « Thu Tình Thương » của Phương Du và bài « Vương Vấn » để thương tặng Minh Cẩm, người vợ hiền yêu dấu. Từ nhạc sĩ của tình thương đến nhạc sĩ của tình yêu vợ chồng, Phạm Đình Liên đã làm cho nhiều kẻ tha hương rung động buồn vui tùy theo hoàn cảnh mỗi người: Em dẫu xa em quá đi nhưng vẫn thấy em quan mình rồi vương vấn biết bao tình...»*

Nhạc phẩm Trăng Mờ Bên Suối, hòa âm của nhạc sĩ Trúc Hồ với giọng ca nhẹ nhàng của nữ danh ca Thanh Trúc được đánh giá là một nhạc phẩm bất hủ vượt thời gian không gian, từ trong nước ra hải ngoại còn lưu truyền mãi đến hôm nay, kể đến là các nhạc phẩm Xuân Về Nhớ Mãi Quê Hương, Quê Tôi, Bến Đồi Không Ước Hẹn: « *Bóng chiều ngày xưa theo làn gió, non nước ngậm ngùi vương trong chiều mơ. Bến đò ơ thờ đợi ai đây? Đợi người đi phiêu bạt bến xuân say. Xé tà đời ta không định hướng...»*. Cho thấy các tác phẩm trong CD Tình Khúc Tha Hương của cả ba tác giả, đều có chung một nỗi ưu tư khắc khoải của những người Việt Nam tuy sống xa quê hương nhưng vẫn luôn luôn hướng về quê cũ với lòng thương nhớ không nguôi.

Rượu sâm banh được khai ra mời nhau chúc mừng vui vẻ, chúc mừng một tác phẩm được hình thành. Ra mắt một tác phẩm là một việc rất khó nhất là những tác phẩm về nghệ thuật, được lựa chọn từ những giọng hát, hòa âm và phối khí thích hợp với tác phẩm của mình. Do đó nhà thơ Đỗ Bình phát biểu:

« *những tác phẩm ra mắt được sự hiện diện của những khuôn mặt nổi tiếng giá trị của Paris hôm nay quả thật là một điều vinh hạnh* ». Trong không khí đầy ắp thân tình đó, mọi người như trẻ lại cùng Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên đồng ca bài «Việt Nam Thắm Tươi: Đây là bài hát mà Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên viết dành cho Hội Y Sĩ Tự Do Quốc Tế. Nhà thơ Đỗ Bình bồi hồi nhớ lại những người bạn đã từng cộng tác như danh ca Thanh Hùng, Giáo sư Bùi Sỹ Thành nay đã không còn nữa để lại nhiều kỷ niệm lưu luyến tiếc.

Bước vào phần thứ hai trong chương trình là một đề tài nói về Hạnh Phúc và Đau Khổ. Thế nào là Hạnh Phúc ? Thế nào là Đau Khổ ? Nguyên nhân nào đưa đến Hạnh Phúc và Đau Khổ ? Ai trong đời không một lần không biết tới Đau Khổ và Hạnh Phúc ? Đây là một đề tài từ ngàn xưa đến nay vẫn chưa có giải đáp toàn mỹ. Buổi thảo luận trong bầu không khí thân mật, hài hòa cởi mở. Mỗi người có một cảm nhận khác nhau: Có người nghĩ về âm nhạc, lấy âm nhạc diễn giải, có người nghĩ về văn chương, lấy văn chương làm thí dụ.

Mở đầu Nhà thơ Đỗ Bình nói qua về quan niệm đau khổ của Tây phương, ông trích câu của P. Syrus trong danh ngôn thế giới:

« *Đau khổ và sung sướng như ánh sáng và bóng tối, cái này nối tiếp cái kia* ».

Sau đó ông chuyển sang văn chương Việt Nam trích đọc câu thơ trong thi tập Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn và Bà Đoàn Thị Điểm:

« *Mượn hoa mượn rượu giải phiền,  
Sầu làm rượu nhạt, mượn làm hoa ôi* »

Nhà thơ Đỗ Bình đặt câu hỏi : « Tại sao ít nói về Hạnh Phúc mà chỉ nói về Đau Khổ ? ». Nhà thơ Phương Du đưa ra sự đau khổ trong truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du: « *Qua tác phẩm Kim Vân Kiều, Nguyễn Du đã tỏ ra là một thi hào lỗi lạc về văn chương và tư tưởng, tác giả cho độc giả biết đến 3 triết lý nói về **đau khổ, tình thương** và **đạo trời**. Trong triết lý về đau khổ, Lão giáo cho là **tiên định**, Khổng giáo*

cho là **thiên mệnh**, Phật giáo cho là **ngiệp chương**, ngoài ra còn một nguyên nhân nói về đau khổ là **lòng người**.

**Tình thương** là đức tính cao quý nhất trong các việc lành. Chúa Kitô đã nói: « Tình thương cao đẹp nhất là sự hy sinh thân xác cho người mình yêu ». Thủy Kiều đã làm tròn chữ hiếu với cha mẹ bằng sự bán mình, tỏ ra luôn luôn thương nhớ cha mẹ:

Xót thay huyền cõi xuân già,

Tắm lòng thương nhớ biết là có người

Sau khi Từ Hải tử trận vì nghe lời mình,

Thủy Kiều đã tỏ lòng thương xót:

Giết chồng rồi lại lấy chồng,

Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời.

Thôi thì một thác cho rồi,

Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông»...

Bà Ts Thu Hương, phu nhân Nhà văn Từ Trì góp ý kiến: « Những người lính đi đánh trận, họ có thể, chết lúc nào không biết. Cái hạnh phúc mà họ phải chịu đựng, cực khổ trong suốt những ngày tháng nơi chiến trường, là cái hạnh phúc vượt qua những nỗi ưu tư của chính họ. Nỗi ưu tư chỉ để dành cho tình yêu, tình thương nhân loại. Hay một người lam lũ, chịu khổ sở làm ăn chỉ vì hy sinh cho chồng con được hưởng, có người nhìn bà cực nhọc suốt ngày không để ý gì đến mình nhưng bà nhìn thấy mình đang hạnh phúc ».

Giáo sư Trịnh Khải tiếp lời: « Nói về Hạnh Phúc, ta nói đến ba điều: văn chương, tín ngưỡng và tâm lý học. Lấy ví dụ trong tiếng Pháp: Gloire à Dieu au plus haut des cieux, et paix sur la terre aux hommes qu'il aime, thì không đâu sâu sắc cho bằng trong tiếng Việt được dịch ra từ tiếng Pháp: Vinh danh Thiên Chúa trên trời, và bình an dưới thế cho người thiện tâm. Chữ An này do An Lạc mà ra. Bình An tức là sống trong hòa bình, chết được bình an, tất cả ai cũng mong được như vậy. Nhưng chữ Lạc gốc do bên đạo Phật nếu nói đi đến Niết Bàn là Cực Lạc thì An Lạc cũng là nói đến Hạnh Phúc rất quan trọng nếu dùng hai chữ đó. Dùng chữ thứ ba là Thiện Tâm nếu nói theo

Không Tử: Nhân chi sơ tính bản thiện. Đối với người Á châu nhất là bên đạo Phật, tất cả những tính cách đạt thiện đó đều có trong người và đạo Phật cũng như Thiên Chúa giáo, nếu chúng ta khai thác được chúng ta sẽ trở nên những người thiện tâm. TẮM lúc nào cũng chỉ làm việc thiện thôi không bao giờ nghĩ đến hại người khác. Cho nên khi Đức Chúa nói đến câu: Aimez vous les uns les autres, chúng ta phải hiểu chữ Amour đó là một « grand A », không phải giữa hai người hay ba người với nhau mà bao trùm hết cả. Thật là hay vô cùng vì hai chữ Thiện Tâm, chúng ta suy nghĩ kỹ sẽ bước từ giai đoạn văn chương tiến đến giai đoạn tín ngưỡng, đi sâu chút nữa sẽ đi vào thế giới triết lý, siêu hình học (philosophique, métaphysique)...». Đến đây tất cả cùng ngừng vài phút để gọi là « giải lao », dùng trà bánh rồi tiếp tục chương trình với giọng hát của Phan Hải Yến do nhạc sĩ Minh Mạch đạo đàn bài Trăng Mờ Bên Suối, nghệ sĩ Thủy Hằng sau đó trình bày nhạc phẩm Chiều Trên Sông Seine với ngón đàn tuyệt vời của Thi nhạc sĩ Đỗ Bình.

MC Trần Hải Yến đưa ra câu ca dao nói về những nỗi đau khổ, nhưng phải chấp nhận để được hạnh phúc của phụ nữ. Có cảnh khổ nào cho bằng cảnh khổ của một người vợ suốt đời tận tụy hy sinh cho chồng con. Ts Phan Hải Yến phụ họa theo:

« Gió đưa bụi chuối sau hè,

Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ

Con thơ tay ấm tay bông

Tay dặt mẹ chồng đầu đội thúng bông”.

Không khí trở nên vui nhộn hào hứng. Mỗi người một ý kiến, làm cho tâm hồn trở nên tươi trẻ lại. Nhà thần học Ts Nguyễn Tấn Phước cho rằng: « Đau khổ là do -muốn- mà ra, Thiên Chúa giáo tìm ra gốc của việc đó là tội tổ tông ghi trong sách Sáng Thế ký, ông Adong và bà Evà phạm tội bất phục tùng nên mang họa cho nhân loại. Vậy căn nguyên của đau khổ là do tội lỗi. Đối với người Công giáo, đau khổ là cùng hiệp nhất với sự đau khổ của Chúa Kitô, khi sự đau khổ được thông cảm chia sẻ với

*đáng tới cao thì đau khổ của con người sẽ nhẹ bớt đi* ». Nói theo Phật giáo và Thiên Chúa giáo là như thế, còn nói theo đời thì : « *Người có Hạnh Phúc là người đã được gì mình muốn và muốn gì mình có* ». Đó là cách nói khôi hài duyên dáng của Họa sĩ Nguyễn Đức Tăng sau khi ngâm hai câu thơ của TTKH :

*« Bao nhiêu đau khổ của trần gian,  
Trời đã dành riêng để tặng nàng »*

Liên tiếp theo bằng tiểu sử của Nhạc sĩ Lê Uyên Phương để cho thấy rằng cuộc tình của Lê Uyên Phương là cuộc tình đau khổ đầy nước mắt được thể hiện qua các tình khúc... trong các tuyển tập Khi Loài Thú Xa Nhau (1967-1969) ; Yêu Nhau Khi Còn Thơ (1960-1967)...

Buổi sinh hoạt hôm nay ngoài những khuôn mặt trí thức quen thuộc trong giới Văn Hóa Việt Nam Paris, trong đó có sự tham dự lần đầu tiên của nhà nghiên cứu văn học Marc Hoàng, con học giả Hoàng Minh Tuynh, sang Pháp du học năm 1964 ở thể kỷ trước, cho biết cảm tưởng của mình: « *Nhận thấy rằng qua nhạc và thơ, người ta nói lên những nỗi niềm đau khổ, nhất là sự xa cách nhớ quê hương. Được gặp gỡ các bạn nơi đây thật là một hạnh phúc tuyệt vời gây cho tôi một niềm hy vọng. Tôi không nghĩ rằng tôi đã mất, Việt Nam vẫn còn đó. Các anh chị là những người bằng cách này hay cách khác qua bao gian nan của cuộc đời, di cư, vượt biên, định cư... tới hôm nay vẫn có những cuộc trao đổi rất thân tình hết sức Việt Nam. Tất cả những tâm tình đó tôi rất quý, nếu chúng ta còn thích thơ văn, yêu truyện Kiều, thích ca dao, còn nghĩ tới công lao của các vị tiền bối như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... thì dù ở trong hoàn cảnh nào đi nữa chúng ta vẫn là người Việt Nam rất hãnh diện và hạnh phúc* ». Với chủ đề Hạnh Phúc và Đau Khổ trong âm nhạc và văn chương Việt Nam, một đề tài rộng lớn được đem ra phân tích trong một thời gian quá hạn hẹp, càng đi sâu vào chi tiết càng thêm sôi nổi hào hứng, có biết bao nhiêu điều để nói vẫn thấy chưa đầy đủ, nhất là được trao đổi trong không khí thân mật cởi mở, mọi người cảm thấy

gần gũi với nhau hơn. Tác giả bài thơ phổ nhạc « Thu », nhà thơ Quỳnh Liên đã ngỡ lời cảm ơn tất cả các anh chị trong ban tổ chức : « *Đều là những nhà văn nghệ sĩ, các anh đã sáng tác thơ, nhạc, bỏ rất nhiều công phu trên con đường văn hóa, có một tấm lòng rất cao quý, nhân hậu trải rộng giữa không gian, để tiếp đón những người bạn Việt Nam của chúng ta đang sống trong cảnh tha phương* ».

Để kết luận, trước khi chia tay nhà thơ Phương Du nhắn nhủ thêm: « *Theo Khổng tử, sinh ký tử quy, đời này là tạm bợ, đời sau là vĩnh cửu. Tại sao lại tìm Hạnh Phúc trong đời tạm bợ này ? Chiến tranh gây ra thảm họa nhiều nhất trên thế giới, chỉ có tình thương quan trọng nhất và nhất là Hạnh Phúc, làm thế nào tìm được Hạnh Phúc ? Đã có những vị triết gia lỗi lạc như Đức Chúa, Đức Phật dạy chúng ta có hai con đường đi đến hạnh phúc vĩnh cửu. Theo Đức Phật muốn đi vào ngõ Hạnh Phúc Vĩnh Cửu của cõi Niết Bàn phải diệt khổ, muốn diệt khổ phải cảm sát sanh, bỏ dục tình, cả hai điều này tuy rằng rất khó. Con đường thứ hai Đức Chúa dạy ta thương yêu nhau thôi, nếu phạm tội ghét người này đánh lừa người khác, muốn vào nước Thiên Đàng hãy thật lòng hạ mình xin lỗi Chúa, sẽ được Chúa thứ tha. Chứng cứ là khi bị đóng đinh trên thập giá, người tù bên trái trách Chúa sao làm gì cũng được mà không tự cứu mình đi. Người tù bên phải nói với người kia, không được trách Chúa vì đã phạm phải nhiều tội lỗi quá chết cũng xứng đáng, Chúa Kitô gặp nhiều hoạn nạn cũng phải chịu tội chết và người ấy xin Chúa về sau ở nước Thiên Đàng hãy thương xót đến con. Người tù bên phải được Chúa trả lời : « *Hôm nay ta sẽ cho người vào nước Thiên Đàng với ta* ». Đó là chỉ cần xin lỗi Chúa, con đường ấy rất dễ.*

Chương trình chấm dứt vào khoảng 7 giờ chiều.

**NGUYỄN MÂY THU**  
(Paris)